

TỦ SÁCH THĂNG TIẾN GIÁO DÂN

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN

**SỐ 4 THÁNG 10/2012 VỚI CHỦ ĐỀ
GIÁO DÂN VIỆT NAM LOAN BÁO TIN MỪNG**

**GIÊRÔNIMÔ NGUYỄN VĂN NỘI
VÀ NHÓM BẠN THỰC HIỆN**

LỜI NGỎ

I- LÝ DO CHỌN CHỦ ĐỀ

Vì ngày 21/10/2012 là Khánh Nhật Truyền Giáo và vì công cuộc Truyền Giáo là việc rất quan trọng mang tính sống còn đối với người và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam nên GIÁO DÂN HỢP TUYỂN (GDHT) số 4 này chọn chủ đề là GIÁO DÂN VIỆT NAM LOAN BÁO TIN MỪNG.

II.- NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG

GDHT đã không ngừng nỗ lực, một là phổ biến tập san cho nhiều người nhất là cho anh chị em giáo dân, hai là tìm thêm cộng sự viên.

* Ba tập GDHT 1,2,3 đã đến tay các linh mục Hạt Trưởng, các linh mục Ủy Viên Ban Mục Vụ Giáo Dân, Ban Đại Diện Hội Đồng Mục Vụ các Giáo Hạt và Giáo Phận Long Xuyên vào dịp thường huấn cuối tháng 6.2012 của các Ban Thường Vụ Hội Đồng Mục Vụ các Giáo Xứ Giáo Phận Long Xuyên.

* Sau khi GDHT số 3 ra đời, NHÓM BẠN chúng tôi đã có thêm 2 anh em nhận hợp tác. Vì thế mà khâu trình bày và hình ảnh từ số 4 này sẽ đẹp đẽ và hấp dẫn hơn. Mong sẽ có thêm anh chị em góp công góp sức cho công việc chung này.

III.- NỘI DUNG GIÁO DÂN HỢP TUYỂN SỐ 4

gồm có 9 bài sau đây:

1- Tính truyền giáo của Giáo Hội [bản văn trong Hiến Chế “Ánh Sáng muôn dân” của Công đồng Vatican II] : trình bày tính truyền giáo của Giáo Hội.

2- Công bố sứ điệp ngày thế giới truyền giáo 2012 [bài dịch của Minh Đức trên trang web Hội Đồng Giám Mục Việt Nam]: giới thiệu sơ lược về nội dung sứ điệp ngày thế giới truyền giáo năm 2012 của Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI.

3- Sứ điệp của Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI nhân ngày thế giới truyền giáo 2012: chính bản văn sứ điệp ngày thế giới truyền giáo năm 2012 của Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI.

4- Hiểu và thực thi sứ điệp của Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI nhân ngày thế giới truyền giáo 2012 [của Giê-rô-ni-mô Nguyễn Văn Nội]: giúp bạn đọc hiểu và thực thi sứ điệp ngày thế giới truyền giáo năm 2012 của

5- Phao-lô, Vị Tông Đồ vĩ đại [của Trần Duy Nhiên]: một phác thảo chân dung khá đầy đủ về Thánh Phao-lô, Tông Đồ Dân Ngoại, trước và sau ngày gặp Chúa Ki-tô Phục Sinh trên đường Đa-mát.

6- Tản mạn về linh đạo của Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê, Nguyễn Văn Thuận [của Ts Ambrosio Nguyễn Văn Sĩ, OFM]: bức vẽ sống động của một Giám Mục - Hồng Y sống hết mình với Chúa và với Tin Mừng.

7- Đối thoại là phương cách truyền giáo mới [của Giê-rô-ni-mô Nguyễn Văn Nội] : trình bày một phương cách truyền giáo mới được Giáo hội và các Đức Giáo hoàng hậu Công đồng cổ võ.

8- Phân phát (Sách) Phúc Âm để loan báo Tin Mừng [của Antôn Lê Tân]: đề nghị một cách loan báo Tin Mừng bằng việc tặng Sách Phúc Âm, tranh ảnh, sách báo, băng đĩa đạo.

9- Niềm Tin vượt thắng bất an xã hội [của Lm An Thanh]: kể lại chứng từ sống của 4 anh chị em tân tòng.

10- Phạt tử về với Chúa [ông Giuse Nguyễn Lê ghi] : câu chuyện “trở lại” của một phạt tử.

11- Ite missa est, Thánh Lễ đã xong anh chị em hãy đi loan báo Tin Mừng [của Phao-lô Nguyễn Nhân Hòa]: ý nghĩa đích thực và nguyên thủy của Lời Kết Thánh Lễ Mi-sa.

12- Bài ca Truyền giáo [của Du Sinh]: bài ca đơn sơ và tràn sức sống.

Nguyện xin Thiên Chúa chúc lành cho chúng con và cho công việc khiêm tốn của chúng con.

Nguyện xin Thiên Chúa chúc lành cho những ai đón nhận công trình nhỏ bé này và quảng bá nó hầu làm vinh danh Chúa!

Sài-gòn, giữa tháng 9.2012.

Giê-rô-ni-mô Nguyễn Văn Nội và Nhóm Bạn

TÍNH TRUYỀN GIÁO CỦA GIÁO HỘI

«*Như Chúa Cha sai Người thế nào, Chúa Con cũng sai các Tông Đồ như vậy* (x. Ga 20,21) khi Người phán: *"Vậy các con hãy đi dạy dỗ muôn dân, thanh tẩy họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, hãy dạy dỗ họ vâng giữ mọi điều Thầy đã truyền cho các con. Và đây Thầy sẽ ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế"* (Mt 28,19-20).
Lệnh ấy, lệnh mà Chúa Kitô long trọng truyền rao giảng chân lý cứu rỗi, Giáo Hội đã nhận lãnh từ các Tông Đồ để chu toàn khắp cõi đất (x. Cv 1,8). Vì thế, Giáo Hội xem lời sau đây của Thánh Tông Đồ như lời của mình: *"Khốn thân tôi nếu tôi không rao giảng Phúc Âm"* (1 Cr 9,16), và vì thế Giáo Hội không ngừng gửi sứ giả Phúc Âm cho đến khi các Giáo Hội trẻ được trưởng thành hoàn toàn và tự mình tiếp tục việc rao giảng Phúc Âm. Chúa Thánh Thần thúc đẩy Giáo Hội cộng tác với Ngài để hoàn tất trọn vẹn kế hoạch của Thiên Chúa là Đấng đã đặt Chúa Ki-tô làm nguyên lý cứu độ cho cả thế giới. Bằng việc rao giảng Phúc Âm, Giáo Hội sửa soạn cho người nghe đón nhận và tuyên xưng đức tin, và chuẩn bị cho họ lãnh phép Thánh Tẩy, đưa họ ra khỏi cảnh nô lệ của sự lầm lạc, tháp nhập họ vào thân thể Chúa Ki-tô, hầu nhờ đức ái, họ tăng triển mãi trong Người cho đến khi đạt tới viên mãn. Thực ra, những gì thiện hảo trong tâm hồn và tư tưởng của loài người, hoặc trong nghi lễ và văn hóa riêng của các dân tộc, hoạt động của Giáo Hội không nhằm tiêu diệt chúng, nhưng lành mạnh hóa, nâng cao và hoàn thành chúng, hầu làm vinh danh Thiên Chúa, đánh bại ma quỷ và mưu cầu hạnh phúc cho con người. Mỗi môn đệ Chúa Ki-tô đều có

bổn phận góp phần truyền bá đức tin. Tuy bất cứ ai cũng có thể ban phép Thánh Tẩy cho những kẻ tin, nhưng chỉ có linh mục mới hoàn tất, xây dựng Nhiệm Thể bằng hy lễ tạ ơn, làm trọn lời Thiên Chúa đã phán qua miệng tiên tri: *"Từ đông sang tây, Danh Ta sẽ được lừng lẫy khắp muôn dân; khắp nơi đều sát tế và dâng lễ vật thanh sạch kính Danh Ta"* (Ml 1,11). Như thế Giáo Hội vừa cầu nguyện vừa hoạt động để toàn thể vũ trụ biến thành Dân Thiên Chúa, Thân Thể Chúa Kitô và Đền Thờ Chúa Thánh Thần, và trong Chúa Kitô là thủ lãnh muôn loài, mọi danh dự và vinh quang được dâng lên Chúa Cha Đấng Tạo Thành vũ trụ. »

(Công đồng Vatican II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, «Ánh Sáng muôn dân», số 17)

[Sưu tầm của GDHT]

CÔNG BỐ SỨ ĐIỆP NGÀY THẾ GIỚI TRUYỀN GIÁO 2012

WHĐ (27.01.2012) / Vatican Radio – Ngày 25-01-2012, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã ban hành Sứ điệp cho ngày Thế giới Truyền giáo, sẽ được cử hành vào Chúa nhật, 21 tháng Mười năm nay.

Chủ đề Sứ điệp năm nay được trích từ Tụ sắc *Porta fidei* - công bố Năm Đức Tin - của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI: “*Được kêu gọi làm ngời sáng lên Lời Chân lý*”.

Sứ điệp chia thành bốn phần với các tiêu đề: Giáo hội truyền giáo; Ưu tiên truyền giáo; Đức tin và Truyền giáo; Truyền giáo là Bác ái.

Phần mở đầu trình bày ngày Chúa nhật thế giới Truyền giáo năm 2012 trong bối cảnh kỷ niệm 50 năm Sắc lệnh *Ad gentes* về Truyền giáo của Công đồng Vatican II, Năm Đức tin và Thượng Hội đồng Giám mục về Tân Phúc âm hóa.

Kết thúc Sứ điệp, Đức Thánh Cha xin đổ tràn Chúa Thánh Thần xuống trên công cuộc rao giảng Tin Mừng cho muôn dân, và đặc biệt trên những ai đang dấn thân lo việc truyền giáo, để nhờ ân sủng của Thiên Chúa - công cuộc rao giảng Tin Mừng tiến triển trên khắp thế giới.

Và Đức Thánh Cha đã dùng những lời của Chân phước John Henry Newman để dâng lời cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin đồng hành với chúng con, với các nhà truyền giáo của Chúa đang rao giảng Tin Mừng trên mảnh đất này, xin đặt trên môi họ những lời lẽ thích hợp, xin làm cho những nỗ lực của họ sinh hoa trái”. Đức Thánh Cha cũng xin Mẹ Maria chuyển cầu, Mẹ là Mẹ của Giáo Hội và là Ngôi Sao dẫn đường Truyền Giáo, xin Mẹ đồng hành với tất cả những ai đang rao giảng Tin Mừng.

(Vatican Radio 25-01-2012)

Minh Đức

[Sưu tầm của GDHT]



SỨ ĐIỆP CỦA ĐỨC THÁNH CHA BÊNÊDICTÔ XVI NHÂN NGÀY THẾ GIỚI TRUYỀN GIÁO 2012

“Được kêu gọi làm rạng ngời Lời Chân Lý”
(Tông Thư *Porta Fidei*, 6)

Anh chị em thân mến!

Cuộc cử hành Ngày Thế giới Truyền giáo năm nay mang một ý nghĩa hoàn toàn đặc biệt. Việc kỷ niệm 50 năm Sắc Lệnh *Ad Gentes* của Công đồng, việc khai mạc Năm Đức Tin và Thượng Hội đồng Giám mục về đề tài Tân Phúc Âm Hoá là các sự kiện cùng diễn ra trong năm nay để tái xác nhận ý muốn của Hội Thánh là dẫn thân một cách hăng say và can đảm hơn vào *missio ad gentes* (*sứ vụ đến với muôn dân*) hầu đem Tin Mừng đến tận cùng trái đất.

Với sự tham dự của các Giám mục Công giáo từ khắp nơi trên thế giới, Công đồng Chung Vatican II đã là một dấu chỉ sáng ngời về tính phổ quát của Hội Thánh, qua việc lần đầu tiên quy tụ một con số đông đảo như thế các Nghị phụ đến từ Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ Latinh, và Châu Đại Dương. Các giám mục truyền giáo và các giám mục bản xứ, các mục tử của các cộng đoàn rải rác khắp nơi giữa các dân không Kitô giáo, tất cả các vị ấy đã đem đến cho các phiên họp của Công đồng hình ảnh của một Hội Thánh hiện diện trên mọi châu lục và đã trở thành những người cắt nghĩa về thực tại phức tạp mà thời ấy được gọi là “Thế Giới Thứ Ba”. Là những người giàu kinh nghiệm thực thi sứ vụ mục tử tại các giáo hội non trẻ đang hình thành, và đầy nhiệt huyết loan truyền Nước Thiên Chúa, các ngài đã góp phần rất quan trọng vào việc tái xác nhận nhu cầu và sự cấp bách của việc loan báo Tin Mừng cho các dân tộc, từ đó đưa bản chất truyền giáo của Giáo Hội vào trung tâm của khoa Giáo hội học.

Khoa Giáo hội học hướng đến truyền giáo

Ngày nay, quan điểm trên vẫn còn nguyên giá trị, hơn nữa còn được tiếp nhận những suy tư thần học và mục vụ phong phú, và đồng thời lại càng tỏ ra cấp bách, vì số người chưa biết Chúa Kitô ngày càng nhiều thêm. *“Những người mong chờ Đức Kitô vẫn còn đông vô kể”*, như lời khẳng định của Chân phước Gioan Phaolô II trong Thông điệp *Redemptoris Missio* về giá trị muôn đời của huấn lệnh truyền giáo, và ngài thêm: *“Chúng ta không thể ngồi yên khi nghĩ tới hàng triệu anh chị em chúng ta đang sống trong tình trạng không biết đến tình yêu của Thiên Chúa, chính họ cũng được cứu chuộc bằng máu Chúa Kitô”* (số 86). Phần tôi, khi công bố Năm Đức Tin, tôi đã viết rằng Đức Kitô *“hôm nay cũng như hồi ấy, sai chúng ta đi khắp các nẻo đường trên thế giới để loan báo Tin Mừng của Người cho mọi dân tộc trên mặt đất”* (Tông Thư *Porta Fidei*, 7); việc loan báo này, như lời Vị Tôi tớ Chúa Phaolô VI trong Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi*, *“đối với Hội Thánh không phải là một sự cống hiến tùy ý, nhưng là một bổn phận Hội Thánh phải thực thi theo lệnh truyền của Chúa Giêsu, để loài người có thể tin và được cứu rỗi. Quả thế, đây là sứ điệp cần thiết. Đây là sứ điệp độc nhất. Sứ điệp không thể thay thế”* (số 5). Vì vậy chúng ta cần phải lấy lại cùng một nhiệt huyết tông đồ như các cộng đoàn Kitô hữu sơ khởi, tuy chỉ là một nhóm ít người và không thể tự vệ, nhưng bằng lời loan báo và chứng tá, họ đã có thể loan truyền Tin Mừng trên toàn thế giới được biết đến thời bấy giờ.

Vì vậy không lạ gì khi Công đồng Vaticanô II và Huấn quyền sau Công Đồng của Hội Thánh luôn nhấn mạnh một cách đặc biệt về nhiệm vụ truyền giáo mà Đức Kitô đã uỷ thác cho các môn đệ của Người, và là nhiệm vụ mà toàn thể Dân Thiên Chúa: các giám mục, linh mục, phó tế, tu sĩ và giáo dân phải dần dần thực hiện. Nhiệm vụ loan báo Tin Mừng trên khắp thế giới trước tiên là nhiệm vụ của các giám mục, vì trong tư cách là thành viên của Giám mục đoàn cũng như là Mục tử của các Giáo Hội địa phương, các ngài là những người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc rao giảng Tin Mừng trên thế giới. Thực vậy, các ngài “*đã được tấn phong không chỉ cho một giáo phận, mà cho sự cứu rỗi của toàn thế giới*” (Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris Missio*, 63), “*các ngài là những người rao giảng đức tin dẫn đến cho Đức Kitô những người môn đệ mới*” (*Ad Gentes*, 20) và làm cho mọi người “*thấy được tinh thần và nhiệt huyết truyền giáo của Dân Chúa, để toàn giáo phận trở thành những nhà truyền giáo*” (nt., 38).

Địa vị ưu tiên của rao giảng Tin Mừng

Vì vậy, đối với một Chủ Chăn, nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng không chỉ giới hạn vào việc chăm lo cho thành phần Dân Chúa được giao phó cho ngài chăm sóc về mục vụ, cũng không chỉ là sai một số linh mục hay giáo dân đi truyền giáo như là *fidei donum* (*quà tặng đức Tin*). Nhiệm vụ ấy phải bao gồm toàn thể hoạt động của Hội Thánh địa phương, mọi lĩnh vực của Hội Thánh ấy, tóm lại, phải bao gồm toàn thể đời sống và hoạt động của Hội Thánh ấy. Công đồng Vaticanô II đã nói rõ điều này và Huấn quyền

sau Công đồng đã mạnh mẽ xác nhận lại. Điều này đòi hỏi rằng các bậc sống, các kế hoạch mục vụ và việc tổ chức giáo phận phải không ngừng được thích nghi với chiều kích nền tảng này của Hội Thánh, đặc biệt trong thế giới không ngừng biến đổi của chúng ta ngày nay. Điều này cũng đúng với các Hội Dòng và các Tu đoàn Tông đồ, cũng như các Phong trào trong Giáo Hội: mọi thành phần trong bức tranh lớn của Hội Thánh phải cảm thấy lệnh truyền rao giảng Tin Mừng của Chúa chất vấn mình mãnh liệt, để Đức Kitô được rao giảng khắp nơi. Là những mục tử, tu sĩ nam nữ và tất cả các tín hữu trong Đức Kitô, chúng ta phải tiếp bước Thánh Phaolô Tông Đồ, là *“tù nhân của Đức Kitô vì anh em, những người dân ngoại”* (Ep 3, 1), ngài đã chịu đau khổ và chiến đấu để đem Tin Mừng đến giữa dân ngoại (x. Cl 1, 24-29), không ngại tiêu hao sức lực, thời giờ và của cải để loan báo Sứ điệp của Đức Kitô.

Ngày nay cũng thế, sứ mạng *ad gentes* –đến với muôn dân– phải không ngừng là chân trời và khuôn mẫu cho mọi hoạt động của Hội Thánh, vì chính căn tính của Hội Thánh được tạo thành bởi đức tin vào Mầu Nhiệm Thiên Chúa, Đấng đã tỏ mình ra cho chúng ta trong Đức Kitô để đưa chúng ta đến ơn cứu độ, và bởi sứ mạng làm chứng và loan báo Người cho thế giới, cho tới khi Người trở lại. Cũng như Thánh Phaolô, chúng ta phải quan tâm tới những người ở xa, những người chưa biết Đức Kitô và chưa cảm nghiệm được tình phụ tử của Thiên Chúa, và chúng ta phải ý thức rằng “sự hợp tác truyền giáo hôm nay phải mở ra những hình thức mới để bao gồm không chỉ việc trợ giúp kinh tế, mà cả sự tham gia trực tiếp vào việc

rao giảng Tin Mừng” (Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptoris Missio*, 82). Việc cử hành Năm Đức Tin và Thượng Hội đồng Giám mục về Tân Phúc Âm hoá sẽ là những cơ hội thuận lợi để phát động sự hợp tác truyền giáo, nhất là trong khía cạnh thứ hai này.

Đức Tin và việc loan báo

Mỗi quan tâm loan báo Đức Kitô cũng thúc đẩy chúng ta đọc lịch sử để từ đó nhận ra những vấn đề, những khát vọng và hi vọng của nhân loại mà Đức Kitô phải chữa lành, thanh tẩy và kiện toàn bằng sự hiện diện của Người. Thực vậy, Sứ điệp của Người luôn mang tính thời sự, đi vào giữa lòng lịch sử và có khả năng đáp lại những mối lo lắng thâm sâu nhất của mỗi người. Vì vậy mọi thành phần trong Hội Thánh phải ý thức rằng “các chân trời bao la của sứ mạng Hội Thánh và tình hình phức tạp hiện nay đòi hỏi những phương thức mới để có thể truyền đạt hiệu quả Lời Thiên Chúa” (Bê-nê-đi-cô XVI, Tông huấn hậu THĐGM, *Verbum Domini*, 97). Điều này trước hết đòi hỏi phải gắn bó với Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô bằng đức Tin được canh tân nơi mỗi cá nhân cũng như các cộng đoàn “*lúc nhân loại đang sống giữa những thay đổi sâu xa như hiện nay*” (Tông thư *Porta Fidei*, 8).

Thực vậy, một trong các trở ngại cho việc đẩy mạnh hoạt động rao giảng Tin Mừng chính là cơn khủng hoảng đức tin, không chỉ của thế giới phương Tây, mà của phần lớn nhân loại; họ cũng đói khát Thiên Chúa và phải được mời gọi và dẫn đưa tới bánh sự sống và nước hằng sống, như người phụ nữ Samaria đến giếng Giacóp và nói chuyện với Đức Kitô. Như tác giả Tin Mừng Gioan đã kể

lại, câu chuyện về người phụ nữ này có một ý nghĩa đặc biệt (x. Ga 4,1-30): bà gặp Chúa Giêsu, Người xin bà nước uống, nhưng sau đó Người nói về một thứ nước mới, có khả năng làm cho bà không bao giờ còn khát nữa. Thoạt đầu bà không hiểu, bà vẫn đứng lại trên bình diện vật chất, nhưng dần dần bà được Chúa dẫn đi trên con đường đức tin giúp bà nhận ra Người chính là Đấng Mê-si-a. Về điểm này, Thánh Augustinô quả quyết: *“Sau khi đã đón nhận Chúa Kitô vào tâm hồn mình, [người phụ nữ này] còn có thể làm gì khác hơn là bỏ lại thùng nước ở đó để chạy đi loan báo Tin Mừng?”* (Bài giảng 15, 30). Một khi gặp được Đức Kitô hằng sống, là Đấng làm thỏa cơn khát của trái tim, người ta không thể không mong muốn chia sẻ với người khác niềm vui có Đức Kitô đang hiện diện và giúp họ nhận ra Người để tất cả đều cảm nghiệm được sự hiện diện ấy. Cần phải đổi mới niềm hăng say loan truyền đức tin để cổ vũ một cuộc tân phúc âm hoá các cộng đoàn và các nước vốn có truyền thống Kitô giáo lâu đời mà nay chẳng còn màng đến Chúa, để họ tìm lại được niềm vui của đức tin. Không bao giờ được gạt mỗi quan tâm loan báo Tin Mừng ra khỏi mọi hoạt động của Giáo Hội cũng như đời sống cá nhân của người Kitô hữu, nhưng phải ý thức rõ mình là đối tượng đón nhận Tin Mừng, đồng thời cũng là những thừa sai của Tin Mừng. Tâm điểm của lời loan báo vẫn luôn như thế: đó là *Kerygma* (lời rao giảng cơ bản) về Đức Kitô chịu chết và phục sinh để cứu độ thế giới, *Kerygma* về tình yêu tuyệt đối và trọn vẹn của Thiên Chúa đối với mọi người nam cũng như nữ, đạt đến tột đỉnh trong việc Thiên Chúa sai Con Một hằng hữu của Người là Chúa Giêsu, Đấng không ngại nhận thân phận nghèo hèn của bản tính loài người chúng ta, yêu thương và cứu chuộc

bản tính ấy khỏi tội lỗi và sự chết, bằng việc hiến mình trên thập giá.

Trong kế hoạch yêu thương được thể hiện nơi Đức Kitô, đức tin vào Thiên Chúa trước hết là một hồng ân và một mẫu nhiệm mà chúng ta phải đón nhận trong lòng và trong cuộc sống, và phải luôn luôn tạ ơn Chúa vì hồng ân ấy. Đồng thời đức Tin còn là một ân huệ được ban cho chúng ta để chia sẻ cho người khác; là một nén bạc chúng ta nhận được để sinh lời; là ánh sáng không được đem giấu đi, nhưng phải soi sáng cho cả nhà. Đức Tin là ân huệ quan trọng nhất được ban cho cuộc đời chúng ta mà chúng ta không được phép giữ lại cho riêng mình.

Loan báo trở thành bác ái

“Khốn thân tôi nếu tôi không loan báo Tin Mừng!”, Thánh Phaolô nói như thế (1 Cr 9, 16). Lời này vang dội với sức thúc bách mỗi người Kitô hữu và mỗi cộng đoàn Kitô hữu trên mọi châu lục. Ngay cả đối với các Giáo hội tại các xứ truyền giáo, phần lớn là các giáo hội non trẻ, mới lập, hoạt động truyền giáo đã trở thành một chiều kích tự nhiên, cho dù chính các giáo hội này vẫn còn cần đến các nhà truyền giáo. Nhiều linh mục, tu sĩ nam nữ từ khắp nơi trên thế giới, rất đông giáo dân và thậm chí cả gia đình sẵn lòng rời bỏ quê hương mình, rời bỏ các cộng đoàn mình và đi đến các Giáo hội khác để làm chứng và loan báo Danh Chúa Kitô, nhờ Người mà nhân loại tìm được ơn cứu độ. Đây là một biểu hiện của sự hiệp thông sâu xa, sự chia sẻ và bác ái giữa các Giáo hội, để mọi người có thể nghe và nghe lại lời loan báo có sức chữa lành, và có thể đến với các Bí Tích, nguồn mạch đời sống đích thực.

Cùng với dấu chỉ siêu vời của đức tin được biến đổi thành đức ái này, tôi ghi nhận và biết ơn các Hội Giáo hoàng Truyền giáo, công cụ của sự hợp tác trong sứ vụ phổ quát của Hội Thánh trên thế giới. Qua hoạt động của các Hội truyền giáo này, việc loan báo Tin Mừng còn trở thành hành động giúp đỡ tha nhân, thúc đẩy đổi xử công bằng với những người nghèo khổ nhất, đưa giáo dục về tận những thôn làng xa xôi nhất, trợ giúp y tế tại các vùng sâu vùng xa, giải phóng khỏi cảnh khốn cùng, giúp những người bị gạt ra lề xã hội tìm lại được quyền sống, nâng đỡ sự phát triển các dân tộc, khắc phục những chia rẽ sắc tộc, tôn trọng sự sống ở mọi giai đoạn của nó.

Anh chị em thân mến, tôi khẩn cầu Chúa Thánh Thần xuống tràn đầy trên việc rao giảng Tin Mừng cho các dân tộc, đặc biệt trên những ai đang loan báo Tin Mừng, để Ân Sủng của Thiên Chúa làm cho công cuộc rao giảng Tin Mừng tiến bước vững vàng trong lịch sử thế giới. Cùng với Chân phước John Henry Newman, tôi muốn cầu nguyện rằng: *“Lạy Chúa, xin đồng hành với các nhà truyền giáo tại các xứ truyền giáo, xin đặt trên môi miệng họ những lời lẽ chính đáng, xin làm cho công lao khó nhọc của họ sinh nhiều hoa trái.”* Lạy Trinh Nữ Maria, Mẹ là Mẹ Hội Thánh và là Ngôi Sao dẫn đường loan báo Tin Mừng, xin đồng hành với tất cả các thừa sai Tin Mừng.

Vatican, ngày 6 tháng 1 năm 2012, Đại lễ Chúa Hiền linh
Bênêđictô XVI, giáo hoàng

[Bản dịch của Ủy ban Loan báo Tin Mừng / HĐGMVN-
Nguồn: <http://hdgmvietnam.org/su-diep-cua-duc-thanh->

cha-benedicto-xvi-nhan-ngay-the-gioi-truyen-giao-2012/3678.114.3.aspx]

[Sưu tầm của GDHT]



HIỂU VÀ THỰC THI SỨ ĐIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI TRUYỀN GIÁO NĂM 2012 CỦA ĐỨC THÁNH CHA BÊNÊĐITÔ XVI

Lời giới thiệu: Để giúp anh chị em giáo dân hiểu và thực thi Sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 của Đức Thánh Cha Bênê-đi-tô XVI, ông Giê-rô-ni-mô Nguyễn Văn Nội đã có bài trình bày dưới dạng Hỏi/Thưa khá đầy đủ và dễ hiểu. Xin trân trọng giới thiệu cùng các bạn đọc GDHT.

H.- Đức Thánh Cha Bênê-đi-tô XVI ban hành Sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 khi nào?

T.- Đức Thánh Cha Bênê-đi-tô XVI ban hành Sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 vào ngày đại lễ Hiện Linh 06/01/2012.

H.- Sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 của Đức Thánh Cha Bênê-đi-tô XVI mang tựa đề gì?

T.- Sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 của Đức Thánh Cha Bênê-đi-tô XVI mang tựa đề «**được kêu mời làm rạng ngời Lời Chân Lý**».

H.- Tựa đề ấy có ý nghĩa gì ?

T.- Tựa đề ấy có nghĩa là Giáo hội Công giáo nói chung và mỗi Ki-tô hữu nói riêng được Thiên Chúa kêu mời làm chứng cho Lời Chúa được sáng ngời trong các môi trường bằng lời nói và việc làm tốt lành của mình.

H.- Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI mở đầu Sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 của ngài như thế nào ?

T.- Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI mở đầu Sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 của ngài bằng cách nói lên ý nghĩa của việc cử hành ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012.

H.- Việc cử hành ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 có ý nghĩa gì đặc biệt?

T.- Việc cử hành ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 có ý nghĩa hết sức đặc biệt vì những lý do nêu sau:

«Việc kỷ niệm 50 năm Sắc Lệnh Ad Gentes của Công Đồng Va-ti-can II, việc khai mạc Năm Đức Tin và Thượng Hội Đồng Giám Mục về đề tài Tân Phúc Âm Hoá là các sự kiện cùng diễn ra trong năm nay để tái xác nhận ý muốn của Hội Thánh là dẫn thân một cách hăng say và can đảm hơn vào missio ad gentes (sứ vụ đến với muôn dân) hầu đem Tin Mừng đến tận cùng trái đất. »

H.- Sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 của Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI có mấy phần?

T.- Sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 của Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI có 4 phần với các tiêu đề:

- (1) Giáo hội truyền giáo
- (2) Ưu tiên truyền giáo
- (3) Đức tin và Truyền giáo
- (4) Truyền giáo là Bác ái.

H.- Về Giáo hội truyền giáo Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI dạy gì ?

T.- Về Giáo hội truyền giáo Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI dạy rằng:

Ngày nay, quan điểm trên vẫn còn nguyên giá trị, hơn nữa còn được tiếp nhận những suy tư thần học và mục vụ phong phú, và đồng thời lại càng tỏ ra cấp bách, vì số người chưa biết Chúa Ki-tô ngày càng nhiều thêm. “Những người mong chờ Đức Ki-tô vẫn còn đông vô kể”, như lời khẳng định của Chân Phước Gio-an Phao-lô II trong Thông điệp Redemptoris Missio về giá trị muôn đời của huấn lệnh truyền giáo, và ngài thêm: “Chúng ta không thể ngồi yên khi nghĩ tới hàng triệu anh chị em chúng ta đang sống trong tình trạng không biết đến tình yêu của Thiên Chúa, chính họ cũng được cứu chuộc bằng máu Chúa Ki-tô” (số 86). Phần tôi, khi công bố Năm Đức Tin, tôi đã viết rằng Đức Ki-tô “hôm nay cũng như hồi ấy, sai chúng ta đi khắp các nẻo đường trên thế giới để loan báo Tin Mừng của Người cho mọi dân tộc trên mặt đất” (Tông Thư Porta Fidei, 7); việc loan báo này, như lời Vị Tôi tớ Chúa Phao-lô VI trong Tông Huấn Evangelii Nuntiandi, “đối với Hội Thánh không phải là một sự cống hiến tùy ý, nhưng là một bổn phận Hội Thánh phải thực thi theo lệnh truyền của Chúa Giê-su, để loài người có thể tin và được cứu rỗi. Quả thế, đây là sứ điệp cần thiết. Đây là sứ điệp độc nhất. Sứ điệp không thể thay thế” (số 5).

H.- Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI muốn nói gì qua những dòng chữ trên?

T.- Qua những dòng chữ trên Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI muốn nói rằng: việc loan báo Tin Mừng là việc làm có giá trị muôn đời và hết sức cấp bách trong thời đại của chúng ta ngày nay.

H.- Về địa vị ưu tiên của rao giảng Tin Mừng Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI dậy thế nào?

T.- Về địa vị ưu tiên của rao giảng Tin Mừng Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI dậy như sau:

«*Vì vậy, đối với một Chủ Chăn, nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng không chỉ giới hạn vào việc chăm lo cho thành phần Dân Chúa được giao phó cho ngài chăm sóc về mục vụ, cũng không chỉ là sai một số linh mục hay giáo dân đi truyền giáo như là fidei donum (quà tặng đức Tin). Nhiệm vụ ấy phải bao gồm toàn thể hoạt động của Hội Thánh địa phương, mọi lĩnh vực của Hội Thánh ấy, tóm lại, phải bao gồm toàn thể đời sống và hoạt động của Hội Thánh ấy. Công đồng Vatican II đã nói rõ điều này và Huấn quyền sau Công đồng đã mạnh mẽ xác nhận lại. Điều này đòi hỏi rằng các bậc sống, các kế hoạch mục vụ và việc tổ chức giáo phận phải không ngừng được thích nghi với chiều kích nền tảng này của Hội Thánh, đặc biệt trong thế giới không ngừng biến đổi của chúng ta ngày nay. Điều này cũng đúng với các Hội Dòng và các Tu đoàn Tông đồ, cũng như các Phong trào trong Giáo Hội: mọi thành phần trong bức tranh lớn của Hội Thánh phải cảm thấy lệnh truyền rao giảng Tin Mừng của Chúa chất vấn mình mãnh liệt, để Đức Kitô được rao giảng khắp nơi. Là những mục tử, tu sĩ nam nữ và tất cả các tín hữu trong Đức Ki-tô, chúng ta phải tiếp bước Thánh Phao-lô Tông Đồ, là “tù nhân của Đức Ki-tô vì anh em, những người dân ngoại” (Ep 3, 1), ngài đã chịu đau khổ và chiến đấu để đem Tin Mừng đến giữa dân ngoại (x. Cl 1, 24-29), không ngại tiêu hao sức lực, thời giờ và của cải để loan báo Sứ điệp của Đức Ki-tô.*»

H.- Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI muốn nói gì qua những dòng chữ trên?

T.- Qua những dòng chữ trên Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI muốn nói rằng: từ các vị chủ chăn cho đến các hội dòng, các tu hội truyền giáo, các phong trào trong Giáo hội cho đến mọi thành phần Dân Chúa phải cảm thấy bị chất vấn bởi lệnh truyền rao giảng Tin Mừng của chính Chúa Ki-tô.

H.- Về đức tin và việc loan báo Tin Mừng Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI khẳng định điều gì?

T.- Về đức tin và việc loan báo Tin Mừng Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI khẳng định rằng:

«Trong kế hoạch yêu thương được thể hiện nơi Đức Ki-tô, đức tin vào Thiên Chúa trước hết là một hồng ân và một mầu nhiệm mà chúng ta phải đón nhận trong lòng và trong cuộc sống, và phải luôn luôn tạ ơn Chúa vì hồng ân ấy. Đồng thời đức Tin còn là một ân huệ được ban cho chúng ta để chia sẻ cho người khác; là một nén bạc chúng ta nhận được để sinh lời; là ánh sáng không được đem giấu đi, nhưng phải soi sáng cho cả nhà. Đức Tin là ân huệ quan trọng nhất được ban cho cuộc đời chúng ta mà chúng ta không được phép giữ lại cho riêng mình »

H.- Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI muốn nói gì qua khẳng định trên?

T.- Qua khẳng định trên Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI muốn nói rằng: Đức tin là một hồng ân vĩ đại mà Thiên Chúa ban cho các tín hữu, nên họ phải biết cảm tạ Thiên Chúa và chia sẻ cho đồng loại, chứ không được giữ cho riêng mình.

H.- Về truyền giáo là bác ái Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI dạy gì?

T.- Về truyền giáo và bác ái Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI dạy rằng:

«Khốn thân tôi nếu tôi không loan báo Tin Mừng! Thánh Phao-lô nói như thế (1 Cr 9, 16). Lời này vang dội với sức thúc bách mỗi người Ki-tô hữu và mỗi cộng đoàn Ki-tô hữu trên mọi châu lục. Ngay cả đối với các Giáo hội tại các xứ truyền giáo, phần lớn là các giáo hội non trẻ, mới lập, hoạt động truyền giáo đã trở thành một chiều kích tự nhiên, cho dù chính các giáo hội này vẫn còn cần đến các nhà truyền giáo. Nhiều linh mục, tu sĩ nam nữ từ khắp nơi trên thế giới, rất đông giáo dân và thậm chí cả gia đình sẵn lòng rời bỏ quê hương mình, rời bỏ các cộng đoàn mình và đi đến các Giáo hội khác để làm chứng và loan báo Danh Chúa Ki-tô, nhờ Người mà nhân loại tìm được ơn cứu độ. Đây là một biểu hiện của sự hiệp thông sâu xa, sự chia sẻ và bác ái giữa các Giáo hội, để mọi người có thể nghe và nghe lại lời loan báo có sức chữa lành, và có thể đến với các Bí Tích, nguồn mạch đời sống đích thực.»

H.- Giáo huấn trên của Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI được tóm gọn ra sao ?

T.- Giáo huấn trên của Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI được tóm gọn như vậy : truyền giáo là thể hiện tình bác ái huynh đệ giữa các giáo hội để mọi người được nghe và nghe lại lời loan báo Tin Mừng và đến với các Bí tích là máng chuyển ơn Cứu độ.

H.- Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI kết thúc sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 của Ngài như thế nào?

T.- Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI kết thúc sứ điệp nhân ngày Thế giới Truyền giáo năm 2012 của Ngài bằng 2 việc - một là Đức Thánh Cha đề cao những việc làm của các Hội Giáo hoàng và khuyến khích mọi Ki-tô hữu làm như vậy ;

- hai là Đức Thánh Cha cầu xin Thiên Chúa đổ tràn Thánh Thần xuống trên công cuộc rao giảng Tin Mừng cho muôn dân, và đặc biệt trên những ai đang dấn thân lo việc truyền giáo, để nhờ ân sủng của Thiên Chúa - công cuộc rao giảng Tin Mừng tiến triển trên khắp thế giới.

H.- Các việc làm của các Hội Giáo hoàng được Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI đề cao và khuyến khích mọi người làm theo là những việc gì ?

T.- Các việc làm của các Hội Giáo hoàng được Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI đề cao và khuyến khích mọi người làm theo là những việc sau đây:

- giúp đỡ tha nhân,
- thúc đẩy đối xử công bằng với những người nghèo khổ nhất,
- đưa giáo dục về tận những thôn làng xa xôi nhất,
- trợ giúp y tế tại các vùng sâu vùng xa,
- giải phóng (đồng loại) khỏi cảnh khốn cùng,
- giúp những người bị gạt ra lề xã hội tìm lại được quyền sống,
- nâng đỡ sự phát triển các dân tộc,
- khắc phục những chia rẽ sắc tộc,
- tôn trọng sự sống ở mọi giai đoạn của nó.

H.- Các việc làm nêu tập trung vào những lãnh vực nào?

T.- Các việc làm nêu trên tập trung vào 3 lãnh vực :

- một là thăng tiến con người (về các mặt vật chất cũng như tinh thần, kinh tế, xã hội cũng như văn hóa và chính trị),
- hai là bênh vực công lý và quyền con người,
- ba là tôn trọng sự sống.

H.- Các việc làm nêu trên có hợp thời và có khả thi đối với Giáo hội và các Ki-tô hữu Việt Nam ngày nay không ?

T.- Các việc làm nêu trên vừa hợp thời vừa có tính khả thi đối với Giáo hội và các Ki-tô hữu Việt Nam ngày nay.

- Hợp thời vì là những việc đang rất cần đối với đồng bào và xã hội chúng ta.
- Khả thi vì trong khả năng của Giáo hội và của các Ki-tô hữu Việt Nam.

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội

[Tác giả gửi trực tiếp cho GDHT và Hội Legio Mariae Việt Nam]

điều không thể tin được. Ông cũng đã biết nhiều về thần thoại Hy Lạp, nhưng đấy chỉ là thần thoại kia mà... Không một người học thức nào lại không biết các thần Zeus, Apollo...: đó chỉ là những nhân vật tưởng tượng. Mặt khác Aristote, Socrate là những vĩ nhân nhưng cũng chỉ là con người mà thôi...

Thế còn câu chuyện điên đầu về Giêsu Nazareth ?

Các người thất học ấy muốn gì đây ?

Không ai phủ nhận Giêsu Nazareth là một người có thật. Ông ta sinh ra ở Bêlem và lớn lên ở Nazareth: ai cũng biết. Đầu tiên, Giêsu lôi cuốn đám đông, chữa bệnh và làm một vài chuyện lạ... Phaolô đã từng nghe nói như thế và ông không nghi ngờ gì cả. Bạn của ông trong Hội Đồng đã chứng kiến Giêsu làm phép lạ.

Dù sao thì Giêsu cũng không xuất thân từ một trường Kinh Thánh, ông ta chỉ là một người rao giảng nay đây, mai đó, với một lập trường riêng tư. Phaolô có được nghe kể lại về những bài giảng của Giêsu. Phaolô công nhận rằng Giêsu có kiến thức, hiểu biết sâu rộng. Dĩ nhiên những điều Giêsu nói đều có liên quan đến lề luật. Vâng, Giêsu biết rõ về Môsê, về các tiên tri. Giêsu có một lối nhìn vấn đề thật độc đáo và có uy quyền. Nhưng, chỉ có thế thôi...

Tuy nhiên, khi Giêsu bắt đầu gây rối, ông ta la lối, xua đuổi mọi người trong Đền Thờ thì ông ta đã đi quá xa rồi.

Ông ta lấy quyền gì?

Ai cho phép ông ta ?

Dĩ nhiên, Caipha có lý khi đã xử tử ông ta. Phải công nhận rằng tử hình bằng thập giá thì hơi nặng tay đấy, nhưng Giêsu cứ tưởng mình là ai mới được chứ ?...

Rồi, bây giờ xảy ra cái tin động trời là Giêsu đã sống lại. Môn đệ của ông ta loan báo rằng ông ta đã chết và đã sống

lại. Có một tí gì hữu lý không chứ ? Lẽ dĩ nhiên, là Biệt Phái, Phaolô tin rằng người ta sẽ sống lại nhưng vào ngày tận thế kia chứ. Bụt thần thì có nhiều, nhưng Thiên Chúa của dân Do Thái thì chỉ có một. Phaolô nhớ sách Đệ Nhị Luật:

*"Israel, này nghe đây, Chúa là Thiên Chúa,
Chúa chúng ta là **một** Thiên Chúa **duy nhất**."* (Đnl 6-4).

Còn Giêsu, ông ta chỉ là một người thợ mộc Do Thái, một người hiền lành, có uy quyền khi rao giảng. Ông ta có thể là một tiên tri là quá lắm rồi. Nhưng Giêsu cũng lại là một người gây rối.

Thật ra ông không phải là một người Do Thái đảng hoàng. Ông ta cố tình không giữ việc kiêng cử trong ngày Hưu Lễ. Ông ta ít đến nhà thờ trong những năm cuối cùng, Ông ta tự cho phép tha tội cho những loại người bất xứng, Ông ta lại còn làm loạn trong Đền Thờ.

Không,

Đó không phải là lối sống của một người Do Thái đứng đắn.

Với tư cách là người có học, một người biệt phái mộ đạo, Phaolô tự hứa phải ra tay tiêu diệt bọn tà đạo này. Phaolô không thể chấp nhận cứ như thế mãi được. Ông sẽ hành động để làm vinh danh Thiên Chúa của Israel, Thiên Chúa chính danh và hằng sống, Thiên Chúa duy nhất và hay ghen. Phaolô cương quyết đi đến nơi nào có tín hữu của Giêsu. Ông sẽ đưa họ ra nơi công nghị đối đáp với ông để xem họ sai lầm đến mức độ nào. Và nếu cần thì có thể giết họ luôn. Giết vài trăm người để cho đạo Israel đứng vững thì cũng là một điều đáng làm.

Có một người đáng thương bị nhóm môn đệ Giêsu lung lạc dụ dỗ đến nỗi bị kết tội và đem ra ném đá cho chết. Phaolô

đã chứng kiến rất rõ và ông còn giữ áo cho họ rảnh tay ném đá. Nạn nhân ấy tên là Têphanô. Anh ta muốn giảng cho họ, các biệt phái, về lịch sử Do Thái. Anh ta còn cả gan buộc tội họ:

*"Quân cứng cổ, lòng đá, tai điếc,
Các ngươi luôn đối nghịch với Thánh Thần.
Cha ông các ngươi thế nào thì các ngươi cũng vậy,
Có tiên tri nào mà cha ông các ngươi không bắt bớ?
Họ đã giết các người tiên báo
về việc giáng thế của Đấng Công Chính
Và nay, các ngươi đã nộp và giết chết Người..."* (Cv 7,51-53)

Như thế là quá lắm rồi. Tất cả bọn họ nghiêng răng hăm dọa.

Nhưng Têphanô còn nói lời lộng ngôn này nữa:

"Tôi thấy Con Loài Người ngự đến bên hữu Thiên Chúa"
(Cv 7,56)

Nói như thế thì tha làm sao được.

Họ bèn lôi Têphanô ra ngoài thành mà ném đá.

Phaolô đi theo, Phaolô đứng nhìn và đồng tình...

Giờ đây, ông đang trên đường đi Damas,

Ông vừa nhận lệnh từ Giêrusalem và hăng say vượt 250 cây số đến Damas,

Ông mong muốn lôi ngay bọn tà đạo về Giêrusalem...

Giêsu là Đấng Thiên Sai,

Giêsu sống lại từ cõi chết,

Giêsu ngự bên hữu Thiên Chúa .v.v.

Bọn tà đạo lại còn trích dẫn Kinh Thánh để chứng minh nữa chứ:

"Người sẽ không thí bỏ hồn tôi nơi âm phủ,

Và không để Đấng Thánh của Người phải thấy mục nát "

(Cv 2,27, trích dẫn Tv 16,10)

Đó, bọn tà đạo đã dám áp dụng câu ấy cho Giêsu,

Đúng là bọn gian tà thì cái gì cũng gian được...

Thế rồi, bỗng dung một luồng ánh sáng bao phủ lấy Phaolô làm ông ngã ngựa.

Ông không còn thấy gì nữa.

Rồi ông nghe có tiếng gọi ông:

"*Saolê, Saolê, sao ngươi lại bắt bớ Ta ?*".

Phaolô hỏi lại:

"*Thưa Ngài, Ngài là ai ?*"

Tiếng nói lại âm vang:

"*Ta là Giêsu mà ngươi đang bách hại. Song, ngươi hãy chỗi dậy mà vào thành, ở đó người ta sẽ nói cho ngươi biết ngươi phải làm gì...*" (Cv 9,5-8).

Phaolô đứng dậy, ông chớp mắt mà vẫn không thấy gì.

Ông được đưa về Damas...

Ba ngày tròn, ông như kẻ bị mù,

Ba ngày tròn ông sống lại giây phút lạ lùng vừa qua,

Ba ngày tròn, ông trở lại hồi tưởng điều ông đã gặp.

Ánh sáng ấy mạnh mẽ đến nỗi ông trở nên mù lòa...

Bây giờ thì ông đã thấy, đã gặp Đức Giêsu.

Đây là một sự kiện:

Người đã sống lại thật rồi,

Người thật là Đấng Thiên Sai,

Người là Đấng Phục Sinh,

Người đã lên Trời ngự bên hữu Thiên Chúa...

Điều này là một mâu nhiệm đến phi lý.

Nhưng, sự thật đúng là như vậy.

Têphanô đã nói thật mà Phaolô lại điếc,

Têphanô quả là không điên khùng chút nào.

Phaolô giờ đây mới ân hận làm sao,

Chính Phaolô cũng đã thấy Con Loài Người kia thật tỏ tường,

Đây là sự thật không thể nào chối cãi được...

Ba ngày sau, có một người Do Thái thuộc cộng đoàn mới đã đến gõ cửa và bảo:

"Saolê, người anh em, anh hãy nhìn thấy lại."

Thế là phép lạ đã xảy ra, Phaolô lại được thấy. Ông nhìn quanh ngõ ngàng. Người Do Thái ấy tên là Anania, ông ta nói tiếp:

"Thiên Chúa của cha ông chúng ta đã tiên định cho anh biết Thánh Ý Người và được thấy Đấng Công Chính và nghe tiếng xuất từ miệng Người, vì anh sẽ làm chứng tá cho Người trước mặt mọi người về các điều anh đã thấy và đã nghe" (Cv 13,15).

Và Phaolô đã chịu phép rửa bởi tay Anania.

Phaolô đã ghi khắc lời Anania đề sau này, trong hầu hết các lá thư của mình, ông đều nhắc lại:

"Phaolô, tông đồ của Đức Giêsu Kitô, bởi Ý Định của Thiên Chúa."

Phaolô khởi đầu lá thư nào cũng bằng câu nói ấy.

Ông thực hành lời Anania.

Ông đi làm chứng ngay tại Damas.

Damas là thành phố nơi ông định đến để tiêu diệt Đạo Chúa, bây giờ, lại chính là nơi ông khởi công rao giảng đầu tiên.

Đây cũng là một bài học cho mỗi một chúng ta. Nếu chúng ta muốn trở nên một môn đệ nhiệt thành, chúng ta phải theo con đường Phaolô. Chúng ta phải trực tiếp cảm nhận Thiên Chúa, gặp gỡ Thiên Chúa. Nhưng chúng ta cũng phải thi hành mệnh lệnh rõ ràng của Người qua môi miệng các vị đại diện của Người.

Đó là mầu nhiệm Hội Thánh.

Thiên Chúa đã hiện ra, đã gặp gỡ Phaolô, nhưng mệnh lệnh của Người vẫn được trao qua một người đại diện là Anania...

Phaolô rao giảng và làm chứng tại Damas nhưng ông chỉ gây được sự ngạc nhiên chung hững nơi những người đến nghe. Ông hết sức tích cực nhưng không giúp đỡ thiết thực được cho ai.

Không ai nghe lời ông,

không ai chấp nhận được niềm tin của ông.

Công trình của Thiên Chúa qua ông vẫn còn trở ngại.

Nếu Yuda không một sớm một chiều mà đi đến việc phản bội Chúa, thì Phaolô cũng không thể một sớm một chiều trở thành vị tông đồ hữu hiệu. Nguồn ánh sáng trong ông và sự bất lực của chính mình làm ông suy nghĩ. Ông cần thời gian để tĩnh tâm, học hỏi và cầu nguyện. Thế là ông rời bỏ Damas để sang vùng Ả Rập mà sống trong thanh vắng. Thầy của ông đã chuẩn bị 30 năm thì ông cũng phải chuẩn bị 3 năm (Gl 1,17).

Ba năm trời Phaolô nghiền ngẫm Thánh Kinh, đối chiếu trực tiếp với Thần Khí Chúa để hiểu rõ Tin Mừng. Phaolô gọi Phúc Âm của Chúa là Phúc Âm của mình.

Và ba năm trời đã cho ông có được tâm tình của Chúa Kitô, đã đồng hóa ông với Đức Kitô đến nỗi ông phải tuyên bố:

"Không phải tôi sống nhưng là chính Chúa Kitô sống trong tôi..." (Cl 2,20)

Và suốt ba năm, trong bóng tối và thỉnh lặng, Phaolô đã làm một điều duy nhất là:

"Quên phía sau mà lao mình tới phía trước, tôi nhắm đích mà chạy đến giải thưởng của ơn kêu gọi từ trên cao Thiên

Chúa đã ban bố trong Đức Giêsu Kitô." (Cl 3,13-14)

Chúa Giêsu chuẩn bị 30 năm.

Phaolô chuẩn bị 3 năm,

Còn chúng ta ? Trước khi hành động, chúng ta rút vào bóng tối và thỉnh lặng bao lâu ?

3 tháng? 3 tuần? 3 ngày? hay 3 giờ?

Sau 3 năm chuẩn bị, Phaolô lao mình tới phía trước. Ông bỏ Ả Rập, về lại Đamas.

Giờ đây, ông đã chín chắn, đã có Chúa, đã hữu hiệu,

Chắc chắn ở Đamas, người ta không ngạc nhiên, chung hững.

Người ta bàn kế bắt giết ông!

Ông được chuyển qua tường thành mà thoát chết.

Ông về Giêrusalem định liên lạc với các môn đệ Chúa,

nhưng các ông này vẫn còn e ngại Phaolô,

họ không tin Phaolô đã thực sự là tông đồ của Chúa (Cv 9,20)

Đấy, suy tư, cầu nguyện 3 năm trời, để rồi bước ra

gặp đối phương là suýt bị giết,

gặp anh em thì lại bị nghi ngờ...

Đó là cái giá phải trả.

Và chính cái giá phải trả ấy mà Phaolô biết mình đi đúng đường:

Con đường của Đức Kitô

chưa bao giờ là một con đường thoải mái thênh thang...

Cuối cùng rồi Phaolô cũng được chấp nhận,

Phaolô được nghe thuật lại tường tận

về cuộc sống,

về cái chết, và

về sự sống lại của Đức Kitô.

Đủ hành trang, lý trí,

Đủ hành trang kiến thức,
Đủ hành trang tâm tình,
Phaolô lên đường...
Ở đâu có thể đến là Phaolô đến,
Ở đâu có người cần biết Tin Mừng là có Phaolô:
Antiôkia, Cypriô, Lystra, Đêbê, Troya, Philip,
Athêna, Thêsalônika, Côrintô, Êphêsô,
trở lại Giêrusalem, lên đường đi Roma...
Người Do Thái, Hy Lạp, La Mã,
Người ngoại giáo, người tự do, kẻ nô lệ,
Ai ai cũng được ông đem Tin Mừng đến...
Sau không đây một thế hệ, một biến cố nhỏ ở miền Yudê,
mà một vài sử gia ghi lại vài hàng, đã trở nên đề tài tranh
luận khắp Đế quốc La Mã.
Đây là một cuộc cách mạng,
một cuộc cách mạng không đổ máu, mà nếu máu có đổ
thì chỉ là máu của những người làm cách mạng.
Đây không phải là cách mạng
bằng Gươm Giáo nhưng là bằng truyền giáo,
không phải bằng Sức Mạnh nhưng bằng Say Mê,
không phải bằng Vũ Lực nhưng bằng Vâng Lời Thánh Ý
Chúa.
Cũng không phải một cuộc cách mạng trí thức,
cũng không phải để đưa ra những tư tưởng mới,
một ý thức hệ mới,
một triết thuyết mới hay
một nếp sống mới.
Xét cho cùng, cũng không phải là một cuộc cách mạng
nữa...
Chỉ vồn vện là Tin Mừng...
Ôi, mà một Tin đáng Mừng làm sao:

Thiên Chúa đã đến qua Đức Giêsu,
Người đã đến trên hành tinh này,
Người là Đấng Thiên Sai đã được hứa hẹn từ bao thế kỷ,
Người là Sự Sống và là Sự Sống Lại...
Đây là một biển cố hàng đầu trên mọi biển cố.
Người đón nhận cái chết vì nết ăn thói ở của chúng ta,
Người đã từ trong cõi chết mà sống lại,
Người đã thắng được cái chết:
"Vì sự chết đã đến do một người thì sự sống lại cũng do một người mà đến" (1 Cr 15,21)
Vậy là Phaolô đã hoàn toàn thay đổi.
Không ai gặp ông mà có thể quên được ông và đức tin của ông,
Chính đức tin này đã làm ông thay đổi. Chân lý sống động của Đức Kitô là chân lý của ông.
Đức Kitô chính là cốt lõi của Tin Mừng ông loan báo:
"Chúng tôi rao giảng một Đức Kitô bị đóng đinh" (1 Cor 1,23)
Đối với Phaolô,
Đức-Kitô-chịu-đóng-đinh cũng chính là Đức-Kitô-Phục-Sinh
Phaolô không bao giờ tách rời Thập Giá khỏi Phục Sinh...
Đối với Phaolô,
Kitô giáo là điểm hội tụ của mọi nghịch lý,
Tất cả chỉ là một:
Đau Khổ Và Vinh Quang,
Sự Chết Và Sự Sống,
Yếu Hèn Và Sức Mạnh,
Bé Mọn Và Vĩ Đại,
Đức Kitô Chịu Đóng Đinh Và Đức Kitô Phục Sinh...
"Nếu Đức Kitô đã không sống lại thì lời rao giảng của"

chúng tôi quả thật là hư không ...Và việc anh em tin cũng là hư không...

Nếu Đức Kitô không sống lại thì việc anh em tin cũng hão huyền...

Nếu ta đặt mọi hy vọng vào Đức Kitô vốn vẹn lúc sinh thời này thôi thì ta quả là kẻ khốn nạn nhất trong toàn thiên hạ..." (1 Cr 15,14.17.19)

Làm sao có thể nói hết về Phaolô,
Hơn một nửa cuốn sách Tông Đồ Công Vụ đã nói về ông,
Mười bốn lá thư do ông viết chiếm tám mươi lăm phần
trăm số Thánh Thư trong Tân Ước,

Chừng đó quá đủ để nói lên tầm mức vĩ đại của Phaolô:

Phaolô là người mở mang Nước Chúa nhiều nhất,

Phaolô là người có Đức Tin nóng bỏng,

Đức Ái ngọt lịm,

Đức Cây sáng ngời.

Phaolô là người đặt nền tảng giáo lý Giáo Hội,

Phaolô là người không để kẻ khác ngủ yên.

Phaolô đi đến đâu là ở đó có phản ứng mạnh,

Phaolô bị bắt bớ, hành hạ, cầm tù, săn đuổi, ném đá,

Phaolô bị đánh đập, lăng nhục, chửi bới, xích xiềng...

Dường như ngay cả thiên nhiên cũng muốn chống lại ông:

Ba lần Phaolô bị đắm tàu...

Câu chuyện về Phaolô là một chuyện ly kỳ.

Không có một thành phố nào Phaolô đặt chân đến mà vẫn còn như cũ. Dĩ nhiên, không phải mọi người ở đó đều trở thành Kitô hữu, chỉ có một nhóm nhỏ, thật nhỏ thôi, nhưng vẫn đề được đặt ra rất rõ ràng:

Hoặc là Tin Đức Kitô hoặc là chối bỏ Người.

Đức Kitô hoặc là Đường hoặc là một trở ngại....

Không có ai nghe Phaolô xong mà lại có thể dừng dung,

hoặc nhiệt thành đứng về phía ông
hoặc la ó chống lại ông.

Không có Nếu,
không có Và,
không có Nhưng,
chỉ có Hoặc mà thôi.

Quả thật, Phaolô là người đã làm đảo lộn thế giới.

Tin Mừng ông loan báo gây ra tranh chấp trong đời sống
mỗi con người.

Nhưng, có thật là Phaolô làm đảo lộn thế giới chăng?

Thế giới ở thời đại của Phaolô (Thế kỷ thứ 1) đã chẳng là
một thế giới đảo lộn rồi đó sao? Chính ông là người dựng
lại cái thế giới bị đảo lộn ấy. Trước đó, thế giới nội tâm
đảo lộn của ông đã được Chúa dựng lại và ông đã tiếp tay
dựng lại toàn bộ thế giới chung quanh mình.

Những gì xảy ra ở thế kỷ thứ nhất cũng sẽ diễn ra như vậy
ở thế kỷ 21 này, nếu chúng ta chấp nhận theo chân Phaolô
để cho Chúa chiếm hữu.

Những ngày cuối đời, dù cho phải đi tù hết nơi này đến nơi
nọ để rồi tử đạo tại Roma, Phaolô vẫn lạc quan, vui tươi,
trong sáng, tin tưởng...

Vì sao lại được như vậy ?

Phaolô đã thấy đêm tối, nhưng cũng đã thấy ánh sáng.

Phaolô cảm được sự yếu hèn của con người nhưng cũng có
kinh nghiệm về hồng ân của Chúa.

Phaolô sống với cái chết nhưng ông để cho sự sống đích
thực tỏa chiếu trên mình.

*"Mọi thời và khắp nơi, chúng tôi mang trong mình cuộc tử
nạn của Đức Kitô, ngõ hầu Sự Sống của Đức Kitô được tỏ
hiện nơi chúng tôi.. Tôi cũng đã cùng chịu đóng đinh
Thập giá với Đức Kitô. Tôi sống, nhưng không phải tôi*

sống, nhưng chính Đức Kitô sống trong tôi. Đời sống của tôi lúc này trong thân xác, tôi sống nó trong lòng tin vào Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu thương tôi và đã phó nộp mình vì tôi... Đối với tôi, sống là Đức Kitô và chết là một thắng lợi... vì tôi không muốn biết gì nữa ngoài Đức Kitô bị đóng đinh trên Thập giá..."

(2 Cr 4,10; Gl 2,20; Pl 1,21; 1Cr 2,2)

Và quả thật, tông đồ Phaolô đã đem đời sống và cái chết của mình làm chứng điều ông nói. Theo truyền thống lưu lại thì ông bị chém đầu ở ngoại thành Rôma, nơi có ngôi thánh đường Phaolô hiện tại.

Tiến trình của cuộc sống muôn màu của Phaolô mãi mãi vẫn thốt lên lời tuyên tín như một bài ca khải hoàn:

"Về phần tôi, tôi đã được dùng làm rượu tế lễ, giờ ra đi của tôi đã gần đến. Tôi đã chiến đấu trong một cuộc sống chính nghĩa, tôi đã chạy đến cuối đường, tôi đã giữ vững lòng tin..."

Tôi xác quyết rằng những đau khổ đời này không đáng gì so với vinh quang sẽ được thể hiện trên ta trong tương lai. Tạo vật hằng khấn thiết chờ trông con cái Chúa được tuyên dương..."

Thiên Chúa đã không tha cho Con của Người nhưng đã phó nộp Ngài vì chúng ta hết thảy, làm sao Người lại không gia ân vạ sự cho ta làm một với Ngài ?..

Ai có thể tách chúng ta ra khỏi Tình Yêu của Đức Kitô ? Phải chăng là gian truân, bĩ cực, bắt bớ, đói khát, trần truồng, hiểm nguy, gươm giáo ư?..

Vì tôi thâm tín rằng dù sự chết hay sự sống, dù thiên thần hay thiên phủ, dù hiện tại hay tương lai, hay quyền năng, dù chiều cao hay chiều sâu, hay bất cứ tạo vật nào khác,

Không có gì có thể tách chúng ta ra khỏi Tình Yêu Thiên

**Chúa thể hiện cho chúng ta trong Đức GIÊSU KITÔ,
Chúa chúng ta. " (2 Tm 4,6-8; Rm 8,18-20.32.35.38.39)**

Trần Duy Nhiên

[Sưu tầm của GDHT]



vững chắc về thần học và phong phú như con người và sự nghiệp của Ngài. Trong bầu khí tĩnh tâm hôm nay tôi chỉ gọi lên một vài nét mà tôi cho là quan trọng trong linh đạo của Đức Hồng Y. Phần thiếu sót trong sự trình bày của tôi sẽ được Anh Chị Em bù đắp bằng kinh nghiệm và hiểu biết có được về Đức Hồng Y. Cái quan trọng không phải là nói về ĐHY mà sống như Ngài đã sống.

1. Phải nên thánh

Đó là mục tiêu đời sống của mọi kitô hữu, là xác tín sâu đậm của Người tôi tớ Thiên Chúa. “Thành tựu đẹp nhất của một đời người là sự thánh thiện... Không có cái gì trên đời này có thể so sánh được với cái đẹp của sự thánh thiện”. [2] Và trong một lần cầu nguyện, Ngài đã thốt lên “Ai tả cho hết được cái đẹp của một linh hồn có Thiên Chúa.”! Mẹ Maria đẹp đẽ như mặt trăng, trong sáng như mặt trời, vì Người là thánh, vì người có một tâm hồn đầy ân sủng, đầy Thiên Chúa.

Sự thánh thiện là tựu điểm của ân sủng và sự trả lời tự do của con người. Thiên Chúa kêu gọi, thánh hóa và cho chúng ta khả năng gặp được Ngài. Phía con người, ý thức tội lỗi và ân sủng là bước đầu của con đường nên thánh: “Con chỉ có một cách nên thánh: **Ơn Chúa và ý chí con** (x. 1 Cr 15, 10). Chúa không bao giờ thiếu ơn; con có đủ ý chí không?”. [3] Đức Hồng Y cũng thú nhận: “Nhiều lần tôi không dám nghĩ đến sự thánh thiện: tôi muốn trung thành với Giáo hội, tôi muốn không từ chối gì cho sự lựa chọn của mình, nhưng tôi không dám nghĩ đến việc mình phải nên thánh, trong khi đó Chúa dạy rằng: “Các con phải

nên toàn hảo như Cha các con ở trên trời” (Mt 5,14). Tôi sợ nên thánh “ (Ho paura di essere santo).”. Tháng 2 năm 2002, vài tháng trước khi Ngài qua đời, Đức Hồng Y chia sẻ kinh nghiệm với một nhóm Linh mục: “Năm ngoái người ta mổ bướu cho tôi, mổ một phần thôi. Các bác sĩ đã lấy ra được 2 kí rưỡi bướu, còn lại trong bụng tôi 4 kí rưỡi nữa, mà họ không cắt đi được. Lúc đó tôi lo sợ nghĩ đến sự phải nên thánh: và đây chính là điều làm tôi đau khổ. Nhưng sự đau khổ đó cũng qua đi khi tôi nhận thức được thánh ý Chúa và tôi chấp nhận mang cục bướu đó cho đến chết và đồng thời chấp nhận hậu quả là chỉ ngủ được một đêm một tiếng rưỡi thôi. Bây giờ tôi cảm thấy bình an; trong thánh ý Chúa tôi tìm được an bình”. Và Ngài lặp lại lời huấn dụ của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolo với các người trẻ: “Đừng sợ nên thánh”! [4]

Ý thức về tội lỗi và ân sủng cũng chưa đủ. Cần phải sống trong bầu khí của ân sủng, nuôi dưỡng ân sủng bằng cách bắt chước Chúa Giêsu trong giây phút hiện tại, bất kỳ ở đâu hay làm việc gì. Không có con đường nào khác để nên thánh hơn là bắt chước Chúa Giêsu. Người môn đệ quyết tâm bước theo Chúa Giêsu để giống Chúa Giêsu, thì mới trở nên “toàn hảo như Cha trên trời”. Không ai vào thiên đàng mà không giống Chúa Giêsu. (nghe Bài giảng tĩnh tâm).

Theo Chúa như một người lữ hành, nhìn Chúa mà đi, bước theo những chặng đường Ngài đã đi.

“Con theo từng bước của Chúa trên đường hy vọng:

Bước lang thang ra chuồng bò ở Bêlem,
Bước hồi hộp trên đường trốn sang Ai cập,
Bước bôn chôn trở về trú ngụ Nagiarét,
Bước phấn khởi lên Đền thánh với Mẹ Cha,
Bước vất vả suốt 30 năm trời lao động,
Bước yêu thương ba năm rao giảng Tin mừng,
Bước thao thức kiếm tìm chiên lạc,
Bước xót xa vào Giêrusalem đầm đìa nước mắt,
Bước cô đơn ra trước tòa không một người thân,
Bước ê chề vác thánh giá lên đồi tử nạn,
Bước thất bại chết chôn mồ kẻ khác,
Không tiền không bạc,
Không manh áo, không bạn hữu,
Chúa Cha cũng xem chừng bỏ rơi Chúa,
Nhưng Chúa phó thác tất cả vào tay Cha..." [5]

Là người nghèo của Thiên Chúa, kẻ lữ hành sống trong sự tự do của Thần Khí, không để bất cứ gì trên đời ràng buộc, dù đó là dây xích vàng, Ngài viết: “dây xích vàng cũng

ràng buộc và con không ra đi được” [6]. Nghèo vật chất và đơn sơ trong tinh thần. Anh Chị Em xem cuốn sổ đây, không tờ nào dính với tờ nào, tôi phải lấy dây thun cột nó lại, cuốn sổ điện thoại của một vị Hồng Y ! “principe della Chiesa!” (thủ lãnh của Hội thánh!)

Theo Chúa như một người điên. “Các thánh là những người điên vì Chúa. Khôn ngoan thế gian quá không làm thánh được” [7]. Trong một thế giới mà người ta thường lấy tiền tài, danh vọng và quyền lực để tiến thân, môn đệ Chúa chọn con đường ngược lại. Lấy Chúa Giêsu làm gương mẫu độc nhất của đời mình, lấy Lời Chúa làm tiêu chuẩn cho những lựa chọn. Sống cho tình yêu, chết vì tình yêu. Đó là sự điên rồ của Các Thánh.

2. Sức mạnh của sự cầu nguyện

Con đường theo Chúa để nên thánh dài ngắn, cao thấp, vui buồn, bình an hay đau khổ... Sức mạnh làm cho kẻ lữ hành chấp nhận tất cả như một hồng ân và can đảm đi đến cùng chính là sự cầu nguyện. Nói với các bạn trẻ, Đức Hồng Y quả quyết: “Một người thánh mà không cầu nguyện là thánh giả. Con đợi xem, họ sẽ sụp đổ không mấy hồi” [8]. “Con ngạc nhiên vì sao nhiều người mất ơn Chúa gọi, mất đức tin, phản bội Hội thánh? Trong bao nhiêu lý do, luôn luôn có một lý do chính: họ bỏ cầu nguyện từ lâu” [9]. Ngài nhắc nhở anh chị em tu sĩ và linh mục: “Đặc biệt với các tâm hồn toàn hiến, đáng lẽ trong căn cước họ phải khai: “Nghề nghiệp: Cầu nguyện”. Các nghề khác thế gian đều làm cả. Thế gian đòi hỏi con giữ đại lý và nài xin con: “cầu nguyện cho tôi”! [10]

Ngài nhắn nhủ bạn trẻ:

* Con nắm một bí quyết: cầu nguyện. Không ai mạnh bằng người cầu nguyện, vì Chúa đã hứa ban tất cả. Khi các con hiệp nhau cầu nguyện, có Chúa ở giữa các con. Cha tha thiết khuyên con, ngoài giờ kinh, hãy cầu nguyện mỗi ngày tối thiểu một giờ, nếu được hai giờ càng tốt. Không phải là mất mát vô ích đâu! Trên quãng đường Cha đi, Cha đã thấy lời Thánh Têrêsa Avila ứng nghiệm: “Ai không cầu nguyện, không cần ma quỷ lôi kéo, sẽ tự mình sa xuống hỏa ngục”. (Đường Hy Vọng 985, cùng đọc chương 37 cuốn “Những người lữ hành trên đường hy vọng”),

Người môn đệ Chúa Kitô trước hết là người “ở lại” với Chúa trong hôm nay của cuộc đời mình. Khi trong tay không còn gì, chỉ là một người tù như ngàn người tù khác, đường đi như sa mạc, không quá khứ không tương lai, chỉ còn lại những giây phút hiện tại như những hồng ân có được, như những giây phút đẹp nhất của cuộc đời. Người tôi tớ Chúa cầu nguyện:

“Lạy Chúa, con không đợi chờ,
con quyết sống phút hiện tại,
và làm cho nó đầy tình thương,
vì chặp này nối tiếp chặp kia,
ngàn vạn chặp thành một đường dài.
Phút này nối tiếp phút kia,

muôn triệu phút thành một đời sống.

Chăm mỗi chăm cho đúng, đời sẽ đẹp.

Sống mỗi phút cho tốt, đời sẽ thánh” [11]

Những chăm nhỏ trên con đường dài sa mạc là những giây phút một mình trong cô đơn lập lại lời giao ước, là khi để lời kinh và Lời Chúa thấm nhập vào lòng, khi với Chúa làm một trong phép Thánh Thể, là khi yêu thương anh em cho đến cùng, là lúc phó thác trọn vẹn trong tay Mẹ [12]. Gặp Chúa và ở lại với Ngài trong mọi hoàn cảnh là trường dạy nên thánh.

Tôi muốn dừng lại một vài phút ngắn gọn ở đây về lòng sùng kính Bí tích Thánh thể và tâm tình phó thác vào Mẹ Maria, những điểm mốc trong đời sống cầu nguyện của Đức Hồng Y.

“Sức mạnh độc nhất của tôi là Thánh Thể” đó là tựa đề của chương 4 sách tự thuật *5 chiếc bánh và 2 con cá*. Tôi đã đọc nhiều lần chương này cùng với những lời nhắn nhủ khôn ngoan của Đức Hồng Y trong *Đường Hy vọng* số 343 – 388, Đức Hồng Y mời gọi thúc bách chúng ta qui chiếu đời sống chúng ta vào Thánh thể như nguồn mạch sự sống và sức mệnh. Tôi xin trích lại một vài câu của Ngài như chính ĐHY nhắc nhở mọi người chúng ta hôm nay:

“Người thánh là người tiếp tục Thánh lễ suốt ngày” (Đường Hy Vọng số 350 và xem *Scoprite la gioia della speranza*, trang 25 – 30)

“Gia đình thánh thiện là gia đình hâm mộ Thánh lễ”
(DHV số 353)

* Mỗi lần dâng Thánh Lễ là mỗi lần giang tay đóng đinh con lại trên Thánh Giá, và uống cạn chén đắng với Chúa. Đây không có chỗ cho khán giả (Đường Hy Vọng 357).

Gửi cho các linh mục:

“Dâng Thánh lễ làm cho Linh mục trở nên thánh”
(*Scoprite la gioia della speranza*, trang 25)

“Mỗi khi trao Chúa Giêsu Thánh Thể cho giáo dân, con hãy ý thức trao cả đời con, thời giờ của con, sức khỏe, tài năng, tiền của, nghĩa là máu thịt con cùng với Mình Máu Thánh Chúa làm của nuôi mọi người và mỗi người không phân biệt ai “ (Đường Hy Vọng 376).

Cho các Anh Chị Em tu sĩ:

“Hội Thánh dạy cử hành nghi thức khấn dòng trong Thánh Lễ để con ý thức và thực sự hiến dâng đời con làm hy lễ toàn thiêu với Chúa Giêsu trên bàn thánh. Trong mỗi Thánh Lễ, con hãy tuyên thệ lại lời khấn, với tất cả tâm hồn, với tất cả ý nghĩa của “một tân ước vĩnh cửu” (Đường Hy Vọng 387).

Trong linh đạo của Đức Hồng Y, ngoài chỗ đứng quan trọng dành cho Bí tích Thánh Thể, Đức Hồng Y có một lòng sùng kính đặc biệt các thánh: các Thánh Tử đạo VN, thánh Têrêxa Hải đồng Giêsu, thánh Gioan Maria Vianney, Maximiliano Kolbe, cha Pio, Mẹ Têrêxa Calcutta...vv...

nhưng đặc biệt Ngài ngắm nhìn gương thánh Giuse và nhất là Mẹ Maria.

Không có cuốn sách nào Ngài không dành một chương nói về Mẹ. Lòng sùng kính Mẹ Maria và ý muốn phò thác hoàn toàn cho Mẹ bắt nguồn từ gia đình, từ Bà ngoại, và Thân mẫu của Ngài: các Bà đã dạy con dạy cháu yêu mến Mẹ Maria từ khi còn thơ ấu, như chính ĐHY đã kể lại.^[13]

Những biến cố lớn xảy ra trong đời Ngài cũng hay trùng vào những ngày lễ của Mẹ. Ngài đi tù vào đúng ngày lễ Đức Mẹ Lên trời (15/08/1975) và suốt 13 năm tù Mẹ đã gìn giữ Ngài: “Mẹ Maria Vô nhiễm không bỏ quên tôi. Mẹ đã sát cánh tôi dọc đường gập ghềnh đen tối của lao tù. Trong những năm tháng thử thách triền miên ấy, tôi đã cầu xin Mẹ cách đơn sơ mà đầy tin tưởng cậy trông: “Lạy Mẹ, nếu Mẹ biết con không thể làm ích gì để phục vụ Hội thánh nữa thì xin Mẹ cho con đặc ân được chết trong tù, để hy sinh trọn vẹn. Ngược lại nếu Mẹ biết con còn phục vụ Hội thánh được, xin Mẹ cho con một dấu chỉ: ra khỏi tù trong một ngày lễ của Mẹ!”. Và Đức Mẹ nhậm lời Người tôi tớ Chúa, Ngài được trả tự do cũng đúng vào một ngày lễ của Mẹ: lễ Đức Mẹ dâng mình vào đền thánh (21/11/1988).

Cũng như về Bí tích Thánh thể, tôi chỉ trích lại ở đây một vài đoạn tiêu biểu để chúng ta suy niệm về sự gắn bó trẻ thơ của Người tôi tớ Chúa với Mẹ Maria: (mặc dầu đây không phải là một phương pháp khoa học tốt nhất để tìm hiểu về một con người):

“Muốn nên thánh, con hãy bắt chước trẻ thơ; nó không hiểu lý thuyết gì, nhưng nó nhìn mẹ nó, nó làm theo mẹ nó, nó tin mẹ nó biết tất cả, làm đúng tất cả. Nhìn Mẹ Maria, làm như Mẹ Maria, con sẽ nên thánh” (Đường Hy Vọng 918).

“Phản ứng đầu tiên của trẻ thơ là gọi: “Mẹ ơi!” khi lo sợ, khi lúng túng, khi đau buồn. Tiếng Mẹ là tất cả cho trẻ. Con hãy năng gọi: “Mẹ, Mẹ ơi! Con yêu mến Mẹ, Mẹ là tất cả của con.” (Đường Hy Vọng 921).

“Con thơ bắt chước mẹ tất cả, dù khó khăn nguy hiểm, không phải vì có ý theo gương mẹ, vì mẹ là thần tượng, là tất cả, nhưng vì yêu mẹ, tin mẹ. Xem mẹ uống thuốc, con uống theo, mẹ đi ở tù, con vào theo. Mẹ Maria là tấm gương sáng vừa tầm con, con hãy mô phỏng gương Mẹ. Chúa Ba Ngôi không thể làm một tâm hồn thánh thiện hơn được” (Đường Hy Vọng 925).

“Con hãy tìm giá trị của một đời sống thiêng liêng, một linh đạo sâu xa nơi Mẹ Maria. Mẹ hoạt động, nhưng tất cả mọi cử chỉ và tư tưởng, dù vụn vặt nhất, cũng vì Chúa Giêsu, Mẹ không thể có một giây phút nào ngoài Chúa Giêsu được. Đời Mẹ là một vực sâu vô tận của nội tâm; trong Mẹ, hoạt động và chiêm niệm không tách lìa: chiêm niệm giữa hoạt động, hoạt động do chiêm niệm” (Đường Hy Vọng 937).

Anh Chị Em cùng đọc lại *Sứ điệp Đức Mẹ Lavang* (1998) trong đó ĐHY giúp chúng ta chiêm ngưỡng Mẹ Maria như mẫu mực đời sống thánh hiến và phục vụ Giáo hội và xã

hội. Và bài suy niệm thứ 20 của tuần Tĩnh tâm cho Giáo Triều năm 2000, *Ecce Mater Tua* trong *Testimoni della Speranza*.

3. Thương yêu cho đến cùng

Những người được hân hạnh biết Đức Hồng Y đều nhận thấy có một cái gì khác thường trong cách ăn nói cư xử của Ngài: nó tác động làm cho mọi người gặp Ngài cảm thấy bình an và thân tình. Tôi cũng có nghe Ngài kể lại nỗi kinh hoàng của Biến cố Mậu thân (1968), kinh nghiệm khổ đau của những năm tù đày, bệnh tật, sự hiểu lầm của bạn hữu và nhiều người... nhưng trước những nghịch cảnh đó tôi không hề nghe Ngài thốt lên một lời hận thù... Ngược lại Ngài luôn nhẫn nhục, yêu thương hết mọi người. Yêu thương Gia đình, Tổ quốc, Giáo hội, Địa phận Chúa giao phó, yêu thương những người nghèo đói bệnh tật, nhất là những người phung cùi: cho họ Ngài thành lập Hội Bạn người cùi lấy tên là Lazaro, Ngài thương yêu tất cả mọi người, thương yêu cho đến cùng, như Chúa Giêsu, thương yêu cả những người bách hại mình.

Tháng 10, năm 1975, vào những ngày đầu của lao tù, Ngài đã viết: *“Tôi không xem ai là kẻ nghịch của tôi, kể cả những người căm thù tôi nhất, những người bắt bớ tôi, thế không đội trời chung với tôi. Tôi luôn luôn xem họ là anh em tôi.”* (Đường Hy Vọng 793)

Trong lời mở đầu cho cuốn “5 chiếc bánh và 2 con cá” xuất bản năm 1997 (bằng tiếng ý) ĐHY thú nhận khó khăn của Ngài sau khi được trả tự do:

“Nhiều lúc tôi cảm thấy khó chịu trong lòng vì người ta phỏng vấn, muốn thúc giục tôi nói những chuyện giật gân trong thời gian lao tù, muốn tôi kết án, tố cáo, kích động đấu tranh trả thù. Đó không phải mục đích của tôi. Nguyện vọng lớn nhất của tôi là trao lại cho các bạn trẻ một sứ điệp của tình thương và sự thật, của công lý và hòa bình, của tha thứ và hòa giải, để xây dựng.” (trang 7)

Nhiều người hiểu lầm Ngài về thái độ này. Nhưng đòi hỏi của Phúc âm vượt trên những tính toán của con người. “Bác ái không có biên giới; nếu có biên giới, không còn là bác ái nữa. (Đường Hy Vọng 787). Người tôi tớ Chúa, “đứa con điên của Mẹ” không đặt điều kiện, không chùn chân trước khó khăn, cương quyết theo Chúa cho đến cùng, yêu thương như Chúa đã yêu thương nhân loại. Thánh giá là đường, là niềm hy vọng độc nhất của người môn đệ.

Tôi muốn gọi lại đây cuộc đối thoại của người tôi tớ Chúa với anh canh tù (mà chính Ngài đã ghi lại trong *5 chiếc bánh và 2 con cá*: chiếc bánh thứ năm):

“Điều khó hiểu nhất đối với chiến sĩ gác tù, là thái độ tha thứ yêu thương địch thù của mình. Có hôm mấy anh gác hỏi tôi:

- Ông có thương chúng tôi không?

- Có chứ, tôi yêu thương các anh cách thành thực, không có gì là khách sáo đâu!

- Kể cả khi người ta giam ông, mất tự do, năm này sang năm khác? Không xét xử gì cả?
- Anh nghĩ lại bao nhiêu năm ở với nhau. Tôi làm sao giấu được. Tôi thực sự yêu thương các anh.
- Chừng nào được tự do anh có sai giáo dân của anh trả thù không?
- Không, tôi vẫn tiếp tục yêu thương, dù các anh có muốn giết tôi.
- Nhưng tại sao lại yêu kẻ thù hại anh?
- Vì Chúa Giêsu đã dạy tôi yêu thương; nếu tôi không tuân giữ, tôi không đáng gọi là Kitô hữu nữa.”

4. Phục vụ và Phó thác

Theo Chúa Giêsu từng bước, cầu nguyện liên li, chấp nhận mọi đau khổ, phục vụ con người và Giáo hội, yêu thương cho đến cùng...đâu là ý lực nền tảng cho hành trình thiêng liêng này? Đâu là tâm tình thông suốt nối liền cái mà Đức Hồng Y gọi là những dấu chấm của cuộc đời? Nói đến thánh Têrêxa Hài đồng Giêsu, chúng ta nói ngay đến Tinh thần trẻ thơ, nói đến Đức Hồng Y, chúng ta có thể thấy gì nổi bật và đặc thù trong đời sống Ngài?

Tìm hiểu một linh đạo là tìm cho ra con đường thiêng liêng (cái Đạo) của người Lữ hành đi về với Chúa. Đôi khi nó đòi hỏi công sức và thời gian. Đôi khi chỉ là một khám phá

bất ngờ: những gì tôi chia sẻ sau đây với ACE chỉ là một khám phá bất ngờ.

Một hôm tôi có trong tay một bì thư cũ của Đức Hồng Y, trong đó đựng vài con tem. Trên bì thư có bốn hình vẽ, tất cả 4 hình đều theo đường thánh giá: với mấy chữ tắt. P P P P ; CC, TC, CC; OMT ; AGE.... Lúc đầu, tôi không hiểu gì. Tôi xé và vất nó đi, nhưng rồi nghĩ đi nghĩ lại, tôi đi tìm lại bì thư trong thùng rác, lấy băng keo dán chỗ rách và giữ bì thư đó lại. Cho đến gần một năm sau, tình cờ tôi đọc được một trang giấy trong một cuốn sổ tay viết vào năm Ngài làm Hồng Y, trong đó Ngài nói về con đường tâm linh của Ngài, giảng nghĩa những chữ viết tắt và hình vẽ mà tôi đã tìm thấy trước đây trên phong bì. Cái bì thư cũ rách bị vứt đi này trở thành như một chúc thư thiêng liêng cho tôi.

Ngài viết trong cuốn sổ tay: Khi tôi làm Giám mục tôi đã chọn phù hiệu: Gaudium et Spes, (Vui mừng và Hy vọng)

S -Servire

P – Phục vụ

P- Progressione

P- Phát triển

E- Evangelisatione

P- Phúc âm

S- Sanctificatione Officii

P- Phận sự

(cùng xem *Niềm vui sống đạo*, 1998, trang 37-45, *SPES, Hy vọng*, 1971, giới thiệu, trang 4).

- 3 tháng sau ngày phong Hồng Y tôi muốn đổi huy hiệu: Trước là “Gaudium et Spes” chương trình của đời Giám Mục – 4 chữ P, tôi vẫn giữ

- Nay tôi chọn lời Phúc âm ” Lc 15, 31: “**Omnia Mea Tua**” - “Tất cả của Cha là của con: Tất cả của con là của Cha, của Mẹ” :

- Tôi xin tóm lược (hay đúng hơn chính Đức Hồng Y đã tóm lược) con đường thiêng liêng của Ngài bằng mấy chữ: Phục vụ và **phó thác** ... phục vụ trong tinh thần khiêm hạ yêu thương khi còn phục vụ được và trong bất kỳ hoàn cảnh nào, bất kỳ ở đâu, làm gì, cũng phó thác cho Chúa và Mẹ Maria... phó thác như một trẻ thơ, không điều kiện, không sợ hãi, phó thác trong hy vọng, chấp nhận những phút giây hiện tại như hồng ân... Tâm tình hiến dâng, phó thác trọn vẹn này càng lúc càng mãnh liệt và sâu đậm nơi Người tôi tớ Chúa trong những năm lao tù và nhất là những năm cuối đời Ngài. Có lần Ngài thốt lên: “Eureka! Eureka! **Deus meus et omnia**” “Tôi đã tìm thấy! Đã tìm thấy! Thiên Chúa và tất cả của tôi”. (Xem Lời mở đầu của Ngài cho cuốn *Preghiera di Speranza*, trang 5).

Thay lời kết:

Đầu sách *Đường hy vọng dưới ánh sáng Lời Chúa và Công Đồng*: Đức Hồng Y viết mấy lời nhắn nhủ các bạn trẻ. Xin lấy lại lời nhắn nhủ đó như lời Đức Hồng Y gửi lại cho mỗi Anh Chị Em Tu sĩ Roma chúng ta hôm nay

“Các con thân mến,

Cha lại đi thêm một quãng đường
Chông gai mịt mù và vô định
Trên đường Cha gặp lắm lữ khách
Cha đã xem tất cả là bạn
Xem mọi biến cố là kinh nghiệm quý báu
Vi tất cả là hồng ân.

Trong u tối thình lạng và cô đơn
Cha đã nhớ đến mọi người
Đã hiến dâng mỗi người trong các con...
Cha không còn gì cả
Nhưng mỗi ngày
Cha tặng tình yêu Chúa cho mọi người
Trong Thánh Tâm Chúa và Mẹ Ma-ri-a
Cha vẫn gần gũi các con
Âu yếm và thân tình”.

Người lữ hành đã đến bến. Đã gần 10 năm rồi. Nhưng hình ảnh người lữ hành còn đó, “âu yếm và thân tình”. Ngài đã để lại một di sản thiêng liêng cho chúng ta, những người

còn đang đi trên con đường Hy vọng. Mong lời và gương Ngài cũng được tỏa sáng nơi mọi người. Cái quan trọng không phải là nói về Đức Hồng Y mà sống như Ngài đã sống.

Cảm ơn Anh Chị Em.

Ts Ambrosio Nguyễn Văn Sĩ, OFM

[1] “Những tư tưởng nảy sinh tự đáy lòng” *Il Cammino della speranza*, Città nuova, Roma 1992, Premessa , p.9. “Nhu những giọt nước trong mà Chúa đã rót vào lòng tôi để tôi sống suốt thời gian dài đi trong sa mạc”, *Preghiere di Speranza*, Ed San Paolo, Milano 1997, p. 7.

[2] Xem *Preghiere di Speranza*, trang 128-129.

[3] *5 chiếc bánh và 2 con cá*, chương 7, số 22

[4] *Scoprite la gioia della speranza*, trang 12-14

[5] lời nguyện cuối: “Con chọn Chúa” trong *5 chiếc bánh và 2 con cá*.

[6] xem *Đường Hy vọng*, chương 1.

[7] *Đường Hy vọng*, số 6.

[8] *Đường Hy vọng*, số 131

ĐỐI THOẠI LÀ PHƯƠNG CÁCH TRUYỀN GIÁO MỚI

Lời giới thiệu

Để giúp anh chị em giáo dân nòng cốt nói chung và các quý chức trong các Hội Đồng Mục Vụ Giáo xứ Giáo phận Long Xuyên nói riêng, ông Giê-rô-ni-mô Nguyễn Văn Nội đã trình bày đề tài này cho đại diện của 9 giáo hạt, tại 5 địa điểm khác nhau (Nhà Thờ Bò Ót, Nhà Thờ Cù Lao Giêng, Nhà Thờ Thạnh An, Nhà Thờ Tân Hiệp và Trung Tâm Mục Vụ Mông Thọ trong đợt thường huấn cuối tháng 6.2012 vừa qua. Xin trân trọng giới thiệu cùng các bạn đọc GDHT.

I. VÀO ĐỀ

Liên quan tới các phương cách truyền giáo, chúng ta đã nghe nhiều về những phương cách truyền giáo truyền thống như truyền giáo bằng việc từ thiện bác ái, bằng tiếp xúc cá nhân và chứng tá đời sống, bằng các hoạt động thăng tiến con người và bênh vực công bằng xã hội, bằng việc rao giảng Lời Chúa và giảng dạy giáo lý, bằng xây dựng các điểm truyền giáo và tổ chức các lớp học tình thương, bằng việc thăm viếng và giúp đỡ anh chị em lương dân chưa biết, chưa tin Chúa.

Nhưng còn một phương cách truyền giáo mà từ gần nửa thế kỷ nay, Giáo Hội Công Giáo và các Đức Thánh Cha nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần. Đó là **truyền giáo bằng đối**

thoại. Vì thế mà trong Khóa Thường Huấn tháng 6.2012 của các quý chức giáo phận Long Xuyên, đề tài học hỏi, chia sẻ và trao đổi sẽ là

“ĐỐI THOẠI LÀ PHƯƠNG CÁCH TRUYỀN GIÁO MỚI”

II. TRÌNH BÀY : «ĐỐI THOẠI VỚI MỌI NGƯỜI, MỌI DÂN TỘC, VỚI CÁC KI-TÔ HỮU KHÔNG CÔNG GIÁO VÀ VỚI CÁC TÔN GIÁO NGOÀI KI-TÔ GIÁO, LÀ PHƯƠNG CÁCH TRUYỀN GIÁO MỚI CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO»

2.1 Sứ mạng đối thoại của Giáo Hội Công Giáo trong Tông Huấn Giáo Hội tại Châu Á (Ecclesia in Asia) : Chủ đề chung trong các Thượng Hội Đồng của từng châu lục, giúp Giáo Hội chuẩn bị đón mừng Năm Đại Toàn Xá 2000, chính là công cuộc tân phúc âm hóa. Cần thiết phải mở ra một kỷ nguyên mới loan báo Tin Mừng không chỉ vì sau hai ngàn năm vẫn còn một phần lớn gia đình nhân loại chưa nhận biết Đức Ki-tô, mà cũng còn vì tình hình Giáo Hội và thế giới trước thềm thiên niên kỷ mới đang gặp nhiều thách đố đối với niềm tin tôn giáo và các chân lý đạo đức xuất phát từ niềm tin ấy. Gần như ở đâu cũng thấy có xu hướng xây dựng sự tiến bộ và thịnh vượng mà không cần quy chiếu vào Thiên Chúa, đồng thời giảm lược chiều kích tôn giáo của con người vào lãnh vực riêng tư. Khi bị tách ra khỏi chân lý căn bản nhất về con người, cụ thể như bị tách khỏi quan hệ giữa con người với Đấng Tạo Hóa, hoặc với sự cứu chuộc do Đức Ki-tô đem lại trong Chúa Thánh Thần, một xã hội chỉ có thể càng ngày càng lạc xa nguồn đích thực của sự sống, của tình yêu và hạnh phúc mà thôi. Thế kỷ đầy bạo lực này đang tiến nhanh tới hồi

kết thúc đã cho ta một bằng chứng kinh hoàng về điều gì có thể xảy ra khi người ta bỏ rơi sự thật và sự tốt lành để chạy theo quyền lực và sự đề cao chính mình. Tân phúc âm hóa như là một lời kêu gọi hoán cải, kêu gọi tới lãnh nhận ơn sủng và sự khôn ngoan, chính là niềm hy vọng đích thực duy nhất dẫn đưa tới một thế giới tốt đẹp hơn và một tương lai sáng sủa hơn. Vấn đề còn lại không phải là Giáo Hội có điều gì cần thiết để nói với con người hôm nay không, mà là Giáo Hội phải nói điều ấy như thế nào cho minh bạch và có sức thuyết phục!

*“Trong thời gian nhóm họp Công Đồng Va-ti-ca-nô II, Đức Giáo Hoàng tiền nhiệm của tôi là Đức Phao-lô VI đã tuyên bố trong tông thư Hội Thánh của Ngài (Ecclesiam suam) rằng, vấn đề quan hệ giữa Giáo Hội và thế giới hôm nay chính là một trong những mối bận tâm lớn nhất của thời đại chúng ta. Ngài viết rằng «vấn đề ấy đã xuất hiện và khẩn trương tới mức tạo ra một gánh nặng trên tâm hồn chúng ta, cũng như trở thành một yếu tố kích thích và một lời mời gọi». Từ sau Công Đồng, Giáo Hội luôn tỏ ý muốn theo đuổi quan hệ ấy trong tinh thần đối thoại. Tuy nhiên, ước muốn đối thoại không phải chỉ là một kế hoạch để sống chung hòa bình giữa các dân tộc; **nhưng còn là một phân thiết yếu trong sứ mạng Giáo Hội, vì nó xuất phát từ chính sự đối thoại yêu thương ban ơn cứu độ của Chúa Cha với nhân loại qua Chúa Con và trong quyền năng Chúa Thánh Thần. Giáo Hội chỉ có thể hoàn thành sứ mạng của mình theo một cách tương ứng với cách Thiên Chúa đã làm trong Đức Giê-su Ki-tô: Ngài trở thành con người, chia sẻ cuộc sống con người của chúng ta và nói bằng ngôn ngữ loài người để truyền đạt sứ điệp cứu độ. Sự đối thoại mà Giáo Hội đề xuất được xây dựng***

trên nền tảng là sự thuận lý với mẫu nhiệm Nhập Thể. Bởi đó, không phải vì điều gì khác nhưng là do liên đới một cách nhiệt tình, vô vị lợi mà Giáo Hội đã mở cuộc đối thoại với những con người Á châu đang tìm kiếm sự thật trong tình thương yêu.

*“Là bí tích của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại, **Giáo Hội không thể làm gì khác hơn là tham gia đối thoại với mọi dân tộc, vào mọi thời và ở mọi nơi.** Để đáp trả sứ mạng đã lãnh nhận, Giáo Hội ra đi gặp gỡ các dân tộc trên thế giới, và ý thức mình là «đàn chiên nhỏ» giữa một tập thể nhân loại rộng lớn (x. Lc 12,32), nhưng cũng ý thức mình là men trong khối bột của thế giới (x. Mt 13,33). Những nỗ lực đối thoại của Giáo Hội trước hết nhằm tới những người cùng chia sẻ niềm tin vào Đức Giê-su Ki-tô là Chúa và là Đấng Cứu Tinh. Nỗ lực đó còn đi xa hơn thế giới Ki-tô giáo để đến với những tín đồ thuộc các truyền thống tôn giáo khác, dựa trên căn bản là ai cũng có một tâm hồn khát vọng tôn giáo. **Đối thoại dai kết và đối thoại liên tôn giáo chính là ơn gọi đích thực của Giáo Hội.**” (ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn Giáo Hội tại Châu Á, 29).*

2.2 Ý nghĩa của đối thoại: Đối thoại có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau.

- Trước hết, ở cấp độ thuần túy con người, nó có nghĩa là **thông tin** cho nhau nhằm đưa đến một mục đích chung, hoặc ở một cấp độ sâu xa hơn, nó nhằm đạt tới một **sự hiệp thông liên nhân vị** (giữa con người với nhau).

- Thứ đến, đối thoại có thể sử dụng theo nghĩa **một thái độ cung kính và thân thiện** (lãnh vực hành động), thâm nhập hoặc cần thâm nhập tất cả các sinh hoạt cấu tạo nên sứ

mệnh truyền bá Phúc Âm của Giáo Hội. Đúng hơn gọi là **“tình thần đối thoại”**.

- Nghĩa thứ ba nằm trong một bối cảnh của thực trạng đa tôn giáo, đối thoại có nghĩa là **“toàn bộ những tương quan liên tôn, tích cực và xây dựng, với những người và những cộng đồng của các tín ngưỡng dị biệt, nhằm tìm cách quen biết nhau và làm phong phú cho nhau”** (Hội đồng Tòa Thánh về liên lạc với các tôn giáo, Đối thoại và Rao Truyền, số 9).

2.3 Các đối tượng của đối thoại : Có nhiều loại đối tượng để đối thoại: nào là đối tượng chung nào là đối tượng riêng, nào là đối tượng đặc biệt. Mỗi loại đối tượng đòi hỏi cách đối thoại thích hợp.

2.3.1 Đối tượng chung: mọi người và mọi dân tộc là đối tượng đối thoại của người/Giáo Hội Công Giáo: “Là bí tích của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại, Giáo Hội không thể làm gì khác hơn là tham gia **đối thoại với mọi dân tộc, vào mọi thời và ở mọi nơi**. Để đáp trả sứ mạng đã lãnh nhận, Giáo Hội ra đi gặp gỡ các dân tộc trên thế giới, và ý thức mình là **“đàn chiên nhỏ”** giữa tập thể nhân loại rộng lớn (x. Lc 12,32), nhưng cũng ý thức mình là **men** trong khối bột của thế giới (x. Mt 13,33) (ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn Giáo Hội tại Châu Á, 48).

“Với sứ mệnh đem sứ điệp Phúc Âm soi chiếu cả thế giới và quy tụ trong một Chúa Thánh Thần tất cả mọi người của mọi quốc gia, chủng tộc hay văn hóa, Giáo Hội trở thành dấu chứng của tình huynh đệ, một mối tình tạo điều kiện và cổ võ một cuộc đối thoại chân thành.

“Vậy trước hết, chúng ta cần cố võ ngay trong lòng Giáo Hội sự quý mến, tôn trọng và hòa thuận với nhau bằng sự chấp nhận mọi dị biệt chính đáng để luôn luôn có thể đối thoại hữu hiệu giữa những phần tử của một Dân Chúa duy nhất, dù là chủ chăn hay các Kitô hữu khác. Thật vậy, những gì liên kết giữa các tín hữu còn mạnh hơn những gì chia rẽ: hiệp nhất trong những gì chính yếu, tự do trong những gì nghi ngờ, bác ái trong hết mọi sự (Xem Gioan XXIII, Tđ. Ad Petri Cathedram, 29-6-1959: AAS 55 (1959), trg 513).

“Đồng thời, tâm hồn chúng tôi cũng ôm ấp những người anh em và các cộng đoàn của họ, tuy chưa sống hiệp thông trọn vẹn với chúng tôi nhưng vốn liên kết với chúng tôi trong sự tuyên xưng Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần cũng như trong mối dây bác ái; chúng tôi nhớ rằng ngay cả nhiều người không tin vào Chúa Kitô vẫn ước mong và khao khát sự hiệp nhất giữa các tín hữu: quả thực, sự hiệp nhất này càng tiến triển trong chân lý và tình yêu nhờ quyền lực Chúa Thánh Thần, thì càng sẽ là một điềm tiên báo sự hiệp nhất và hòa bình trên toàn thế giới. Vì thế, cùng hiệp lực và hiện đang theo đuổi mục đích cao cả này cách hữu hiệu dưới những hình thức ngày càng thích hợp hơn, chúng tôi cố gắng mỗi ngày sống phù hợp với Phúc Âm hơn nữa, để hợp tác trong tình huynh đệ hầu phục vụ gia đình nhân loại đang được mời gọi vào gia đình các con cái Thiên Chúa, trong Chúa Giê-su Ki-tô.

“Do đó, chúng tôi cùng hướng tâm hồn đến tất cả những ai nhìn nhận Thiên Chúa và bảo tồn các yếu tố tôn giáo và nhân bản quý giá trong truyền thống riêng. Chúng tôi ước mong đối thoại cởi mở để dẫn đưa tất cả chúng ta đến chỗ trung thành đón nhận và hăng hái thực hiện những gì

Chúa Thánh Thần thôi thúc. Niềm ước mong đối thoại đó chỉ do lòng yêu chân lý hướng dẫn và dĩ nhiên vẫn giữ được sự khôn ngoan thích hợp; về phần chúng tôi, niềm ước vọng này không loại trừ một ai hết: từ những người đang tôn thờ những giá trị tinh thần nhân bản cao quý mà chưa nhận biết Đấng Tạo Thành đến những ai chống đối và bách hại Giáo Hội bằng nhiều cách. Vì Thiên Chúa Cha là nguyên lý và cùng đích mọi sự, nên tất cả chúng ta đều được kêu gọi làm anh em với nhau. Và vì thế, được gọi lãnh nhận thiên chức làm người và làm con Thiên Chúa, chúng ta có thể và phải cộng tác, không bạo động, không xảo trá để xây dựng một thế giới trong hòa bình đích thực.” (Công Đồng Va-ti-ca-nô II, Hiến chế Vui Mừng và Hy Vọng, số 92).

2.3.2 Đối tượng riêng: Mọi người Việt Nam và dân tộc Việt Nam là đối tượng đối thoại của riêng người/Giáo Hội Công Giáo Việt Nam: Hệ luận đương nhiên của khẳng định của Đức Giáo Hoàng Gio-an Phao-lô II là: Người và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam phải đối thoại với mọi người Việt Nam và với dân tộc Việt Nam. Thư Chung 1980 của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã khẳng định mối tương quan mật thiết giữa người và Giáo Hội Công Giáo và mọi người Việt Nam và dân tộc Việt Nam, vì đất nước Việt Nam là mảnh đất chung của người không Công Giáo và người Công Giáo Việt Nam; dân tộc Việt Nam là đối tượng phục vụ của người và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam. Dân tộc Việt Nam hiện có hơn 86 triệu người thuộc 54 sắc tộc, sống trên mảnh đất hình chữ S từ biên giới Trung-Việt đến Mũi Cà Mau, từ biên giới Lào-Campuchia-Việt Nam đến Biển Đông. Trong số hơn 86

triệu người Việt Nam mới chỉ có khoảng 7-8 triệu người đã biết Chúa Giê-su Ki-tô. Do đó việc giới thiệu Đức Giê-su cho đồng bào là **một sứ mạng lớn lao và trọng đại vô cùng**, đòi người và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, hết thế hệ này đến thế hệ khác, phải tiếp nối nhau thực hiện. Muốn đối thoại cách hiệu quả với mọi người Việt Nam và dân tộc Việt Nam thì người và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam phải thực hiện 3 việc quan trọng sau đây:

- **Một là gắn liền với thân phận con người và dân tộc Việt:** Việc người và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam phải làm trước tiên là chấp nhận thân phận của mình gắn liền với thân phận của dân tộc Việt Nam và nhất là của tầng lớp người nghèo, người thiếu số, người bị kỳ thị và bị thiệt thòi nhất. Dân tộc Việt Nam đã bao năm khôn khổ vì chiến tranh, chia rẽ, hận thù, nay còn tiếp tục phải khôn khổ vì đói nghèo, lạc hậu và thiếu tự do, dân chủ. Người và Giáo Hội Công Giáo không thể làm ngơ trước hiện trạng ngổn ngang của đất nước và tiền đồ của Tổ Quốc Việt Nam đang bị đe dọa tư bề. Người và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam phải cùng với những người thành tâm thiện chí, làm hết sức mình để đất nước Việt Nam phát triển, con người Việt Nam được tôn trọng và thăng tiến toàn diện, xã hội Việt Nam được tự do, dân chủ, công bằng và tiến bộ. Nếu cần phải chịu thiệt thòi cách này cách khác, vì mục đích cao cả ấy, thì người và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam phải sẵn sàng chấp nhận, để làm chứng cho Tin Mừng.

- **Hai là xác định mình chỉ là đàn chiên nhỏ giữa tập thể rộng lớn:** So với tổng dân số Việt Nam hơn 86 triệu người thì tỷ lệ người Công Giáo mới chỉ là 6-7%, nghĩa là người

Công Giáo chỉ là một thiểu số nhỏ bé trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Thái độ thích hợp là sống khiêm nhường, hòa đồng và cộng tác với mọi thành phần để cùng nhau xây dựng một đất nước phát triển cho kịp với thời đại mà vẫn giữ gìn và phát huy được truyền thống văn hóa, tôn giáo của cha ông tổ tiên để lại.

- Ba là xác tín mình là muối, là men, là ánh sáng giữa lòng xã hội Việt Nam (Mt 5,13-16; Mc 9,50; Lc 14, 34-35): Tuy chỉ là một thành phần nhỏ trong cộng đồng lớn của dân tộc, nhưng người Ki-tô hữu Việt Nam phải xác tín vai trò trách nhiệm nặng nề của mình đối với đồng bào ruột thịt và đối với dân tộc Việt Nam. Đó là vai trò và trách nhiệm làm muối, làm men, làm ánh sáng mà Chúa Giê-su Ki-tô đã giao phó cho từng người khi chịu Phép Thanh Tẩy. Đó là vai trò và trách nhiệm - cùng với những người thành tâm yêu nước - xây dựng một xã hội công bằng mà theo đánh giá của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam thì đây là **công việc cấp bách nhất vì có quá nhiều bất công, chênh lệch về của cải, chức quyền, điều kiện sống và cơ hội tiến thân trong xã hội Việt Nam ta hiện nay**: “Lòng mến Chúa yêu người thôi thúc chúng ta góp phần xây dựng một xã hội trong đó con người có điều kiện để sống xứng với phẩm giá của mình. Bởi vì con người là hình ảnh của Thiên Chúa, nên mọi người có quyền được tôn trọng và phát huy những khả năng Chúa ban để phục vụ xã hội một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, bởi vì con người là anh em của nhau, được tác tạo do quyền năng của Thiên Chúa và là đối tượng của ơn cứu chuộc trong Chúa Giê-su Ki-tô, nên mỗi người cần được đối xử với lòng kính trọng và yêu thương chân thành như là mục đích của sự phát triển toàn

diện, để họ không bao giờ bị biến thành phương tiện cho sự phát triển kinh tế, cho sự thăng tiến xã hội của bất kỳ tổ chức hay thế lực nào.

“Để xây dựng một xã hội công bằng, ngoài việc giáo dục để biết tôn trọng những quyền căn bản của con người, cũng cần có một đường lối thích hợp bảo đảm thực hiện được quyền này. Công việc này đòi hỏi sự đóng góp từ nhiều phía. Là Ki-tô hữu, được mời gọi để trở thành ánh sáng cho thế gian, muối cho đời, men trong bột, chúng ta hãy tập trung xây dựng một cộng đoàn trong đó mọi thành phần đều được yêu thương và được đối xử công bằng.

“Sự công bằng cần phải đi đôi với lòng tôn trọng sự thật, vì tôn trọng sự thật là điều kiện để xây dựng một cộng đoàn yêu thương. Chúng tôi tin chắc rằng gương sáng phát xuất từ cộng đoàn của những người con cái Chúa sẽ có ảnh hưởng tích cực trong xã hội chúng ta” (Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, Thư Mục Vụ 2006, số 7: Góp phần xây dựng một xã hội công bằng).

2.3.3 Đối tượng đặc biệt

- Đối tượng đặc biệt thứ nhất là các Ki-tô hữu không Công Giáo [Đối Thoại Đại Kết]

(a) Giáo huấn/chỉ thị của Tông Huấn Giáo Hội tại Châu Á: “Đối thoại đại kết là một thách đố và là lời kêu gọi toàn thể Giáo Hội hoán cải, cách riêng tại Châu Á, vì tại đây người ta đang trông đợi các Ki-tô hữu biểu lộ một dấu hiệu hiệp nhất rõ ràng hơn. Để mọi dân tộc tập hợp lại với nhau nhờ hồng ân Thiên Chúa, cần phải khôi phục lại sự hiệp thông giữa những người cùng tin nhận Đức Giê-su Ki-tô là Chúa. Chính bản thân Đức Giê-su cũng đã cầu nguyện và không ngừng kêu gọi xây dựng sự hiệp nhất

hữu hình giữa các môn đệ, để thế giới nhờ đó tin rằng Chúa Cha đã sai Ngài (x. Ga 17,21). Nhưng, ý nguyện của Ngài muốn Giáo Hội hiệp nhất vẫn phải chờ đợi các môn đệ của Ngài đáp trả một cách trọn vẹn và can đảm.

Tại chính Châu Á, vì là nơi số Ki-tô hữu tương đối nhỏ, nên sự chia rẽ càng làm cho công việc truyền giáo trở nên khó khăn hơn. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng nhìn nhận rằng «*gương xấu của một Ki-tô Giáo chia rẽ đúng là một trở ngại lớn cho công cuộc phúc âm hóa tại Châu Á*». Thật vậy, nhiều người Á Châu trong khi đang tìm kiếm sự hòa hợp và thống nhất qua tôn giáo và văn hóa của họ, đã coi sự chia rẽ giữa các Ki-tô hữu là một phản chứng đi ngược lại tinh thần Đức Giê-su Ki-tô. Bởi đó, Giáo Hội Công Giáo tại Châu Á cảm thấy bị thôi thúc đặc biệt phải cùng với các Ki-tô hữu khác hoạt động cho sự hiệp nhất, với ý thức rằng muốn tìm sự hiệp thông trọn vẹn, mọi người phải sống bác ái, biết phân định, can đảm và hy vọng. *«Muốn công cuộc đại kết được đích thực và kết quả, phía người Công Giáo cần phải có một số thái độ căn bản: trước hết là bác ái, biểu lộ một lòng tốt, một khát vọng sống động muốn cộng tác mỗi khi có thể với tín hữu các Giáo Hội và các Cộng Đồng khác; thứ đến là trung thành với Giáo Hội Công Giáo, dù vẫn không làm ngơ hay phủ nhận những khuyết điểm của một số thành phần trong Giáo Hội; ba là phải có óc phân định để biết đánh giá tất cả những gì là tốt đẹp và đáng ngợi khen. Sau cùng cũng cần phải chân thành ước ao được thanh tẩy và được đổi mới»*.

Dù vẫn nhìn nhận còn nhiều khó khăn trong các quan hệ giữa các Ki-tô hữu, không những do các thành kiến kế thừa từ quá khứ, mà còn do những phê phán phát xuất từ những xác tín sâu xa liên hệ đến lương tâm, nhưng các Nghị Phụ

Thượng Hội Đồng vẫn nêu ra những dấu chỉ phản ánh các quan hệ đã được cải thiện giữa một số Giáo Hội Ki-tô và Cộng Đồng Giáo Hội khác tại Châu Á. Chẳng hạn các Ki-tô hữu Công Giáo và Chính Thống thường nhìn nhận giữa hai bên có sự thống nhất về văn hóa, có ý thức đang cùng nhau chia sẻ nhiều yếu tố quan trọng của chung một truyền thống Giáo Hội. Những điều này làm nên cơ sở vững chắc để công cuộc đối thoại đại kết được hữu hiệu tiếp tục đi vào thiên niên kỷ tới, một thiên niên kỷ mà chúng ta hy vọng và cầu xin cuối cùng sẽ chấm dứt những chia rẽ đã diễn ra trong thiên niên kỷ sắp sửa kết thúc này.

Trên bình diện thực hành, Thượng Hội Đồng đề nghị các Hội Đồng Giám Mục quốc gia tại Châu Á hãy mời các Giáo Hội Ki-tô Giáo khác tham gia công cuộc cầu nguyện và tham khảo bàn bạc để tìm ra những khả năng xây dựng những cơ cấu và tổ chức mới mang tính đại kết, để giúp đẩy mạnh sự hiệp nhất các Ki-tô hữu. Tổ chức tuần lễ cầu nguyện cho sự hiệp nhất các Ki-tô hữu sao cho kết quả hơn, cũng là một đề xuất hữu ích của Thượng Hội Đồng. Thượng Hội Đồng khuyến khích các giám mục thành lập và chủ trì các trung tâm đại kết dành để cầu nguyện và trao đổi; cũng cần phải đưa việc đào tạo tương xứng cho công cuộc đối thoại đại kết vào trong chương trình học của các chủng viện, các nơi đào tạo và các cơ sở giáo dục. (ĐGH Gio-an Phao-lô II, Tông huấn Giáo Hội tại Châu Á, 30).

(b) Định nghĩa: Đối thoại đại kết là đối thoại giữa các tín đồ cùng tin Chúa Ki-tô là Thiên Chúa, là Cứu Chúa đang sống trên địa cầu nói chung và trên mảnh đất Châu Á nói riêng.

(c) Lý do: Các tín đồ cùng tin Chúa Ki-tô tại Châu Á chỉ là thiểu số, muốn đem dân tộc Á châu về với Chúa Ki-tô như lệnh truyền của Ngài thì cần phải hiệp nhất, hiệp thông với nhau. Có hiệp nhất thì thế giới mới tin rằng Chúa Cha đã cử Chúa Con đến, như Đức Giê-su Ki-tô đã cầu nguyện.

(d) Điều kiện: Muốn đối thoại đại kết thành công phải có thái độ sau:

- Bác ái được biểu lộ trong ước muốn sẵn sàng cộng tác với các tín đồ khi có thể.
- Trung thành với Giáo Hội Công giáo dù biết nhiều tín đồ Công giáo có nhiều khuyết điểm.
- Suy xét phân định để biết những cái tốt cái hay đáng ca ngợi.
- Thành thật muốn gan đục khơi trong và đổi mới.

“Tại Châu Á, là nơi số Ki-tô hữu tương đối nhỏ, sự chia rẽ càng làm cho công việc truyền giáo trở nên khó khăn hơn. Các nghị phụ Thượng Hội Đồng nhìn nhận rằng “ gương xấu của một Ki-tô giáo chia rẽ đúng là một trở ngại lớn cho công cuộc phúc âm hóa tại Châu Á. Thật vậy, nhiều người Á Châu đang tìm kiếm sự hòa hợp và thống nhất qua tôn giáo và văn hóa của họ đã coi sự chia rẽ giữa các Ki-tô hữu là một lời chứng chống lại Đức Giêsu Kitô. Bởi đó, Giáo Hội Công Giáo tại Châu Á cảm thấy bị thôi thúc cách đặc biệt phải cùng với các Ki-tô hữu khác làm việc cho sự hiệp nhất, ý thức rằng muốn có được một sự hiệp thông trọn vẹn, mọi người phải sống bác ái, biết phân định, can đảm và luôn hy vọng. “Muốn cho công cuộc đại kết được trung thực và sinh kết quả, phía người Công giáo cần phải có một số thái độ căn bản: trước hết là bác ái, biểu lộ qua sự nhân hậu và lòng khao khát cộng tác mỗi khi có thể với tín hữu các Giáo Hội và các cộng đồng khác; thứ đến là trung thành đối với Giáo Hội Công giáo của mình, dù vẫn

không làm ngỡ hay phủ nhận những khuyết điểm của một số thành phần trong Giáo Hội; ba là phải có óc phân định để biết đánh giá tất cả những gì là tốt đẹp và đáng khen. Sau cùng là chân thành ước ao được thanh tẩy và được đổi mới. Dù vẫn nhìn nhận còn nhiều khó khăn trong các quan hệ Kitô hữu, không những từ các thành kiến kế thừa từ quá khứ, mà còn do những phê phán dựa trên những tin tưởng rất sâu đậm ràng buộc chính lương tâm, nhưng các nghị phụ Thượng Hội Đồng vẫn nêu ra những dấu chỉ phản ánh các quan hệ đã được cải thiện giữa một số Giáo Hội và Cộng đồng Ki-tô giáo tại Châu Á (...). Những điều này chính là cơ sở vững chắc cho hai bên tiếp tục công cuộc đối thoại đại kết rất kết quả qua thiên niên kỷ tới, một thiên niên kỷ mà chúng ta hy vọng và cầu xin sẽ chấm dứt hoàn toàn những chia rẽ đã diễn ra trong thiên kỷ sắp sửa kết thúc này.

Trên bình diện thực hành, Thượng Hội Đồng đề nghị các Hội Đồng Giám Mục quốc gia tại Châu Á hãy mời các Giáo Hội Ki-tô khác tham gia vào việc cầu nguyện và tham khảo bàn bạc để tìm ra những khả năng xây dựng những cơ cấu và tổ chức mới mang tính đại kết, có thể giúp đẩy mạnh các Ki-tô hữu.» (ĐGH Gioan Phaolô II, Tông huấn Giáo Hội tại Châu Á, 30.2).

(d) Áp dụng vào thực tế Việt Nam: Ở Việt Nam, ngoài các tín hữu Công giáo dường như chỉ có các anh chị em tin lành (thuộc nhiều giáo hội khác nhau) là Ki-tô hữu, tức cùng tin nhận Chúa Giê-su Ki-tô là Chúa và là Đấng Cứu Độ như người Công giáo. Nhưng cũng phải thành thật mà nhìn nhận rằng giữa Công giáo và Tin lành Việt Nam còn nhiều xa cách và thành kiến từ thượng tầng cơ cấu giáo hội cho đến hạ tầng cơ sở là các tín đồ. Những cuộc gặp gỡ thân tình để trao đổi, học hỏi lẫn nhau, chia sẻ cho nhau về

cách sống và loan truyền niềm tin còn rất hiếm. Trước ngày chiến tranh kết thúc vào cuối tháng 4.1975, tại Miền Nam đã có một số nỗ lực đại kết giữa công giáo và tin lành mà cụ thể nhất là kế hoạch cùng dịch Thánh Kinh để có bản dịch chung có thể sử dụng cho cả công giáo lẫn tin lành. Nhưng kế hoạch tốt lành ấy đã chết ngấm sau ngày 30.4.1975.

Trong lãnh vực này các Giáo hội Ki-tô giáo Việt Nam còn thua xa các Giáo hội Ki-tô giáo Kampuchia vì các Giáo hội bạn đã có bản dịch Thánh Kinh Đại Kết từ năm 1999. Có hai điều mà người Công Giáo Việt Nam thua xa Anh Chị Em Tin Lành và thẳng thắn mà nói thì người Công Giáo phải bái phục Anh Chị Em Tin Lành:

Đó là việc các tín hữu Tin Lành siêng năng hỏi hỏi Thánh Kinh và rất nhiệt thành và tin tưởng phó thác vào Chúa trong công cuộc Truyền Đạo. Linh mục An-tôn Nguyễn Ngọc Sơn đã đặt vấn đề cho mình và cho cả Giáo Hội Việt Nam nhân dịp Đại Hội Truyền Giáo Á Châu diễn ra ở Chiang Mai (Thái Lan) cách nay mấy năm như sau: *"Nhìn vào Giáo Hội Việt Nam trong suốt 45 năm qua, tỷ lệ người có đạo ngày càng giảm so với dân số cả nước: vào năm 1960, tỷ lệ đó là 7,17%, cuối năm 2005 chỉ còn 7,04%. Chúng ta sống đạo như thế nào mà không làm tăng thêm được 1% dân số Công giáo? Trong khi đó công cuộc truyền giáo của anh em Hội Thánh Tin Lành lại đáng cho chúng ta suy nghĩ. Ở Việt Nam từ 400.000 tín hữu vào năm 1999 đã tăng lên 1.200.000 vào năm 2005, nghĩa là tăng gấp 3 lần chỉ trong vòng 6 năm"*

- Đối tượng đặc biệt thứ hai là các tôn giáo ngoài Ki-tô giáo. [Đối thoại giữa các tôn giáo]

(a) Giáo huấn/Chỉ thị của Tông Huấn Giáo Hội tại Châu Á: “Trong Tông Thư *Tiến Tới Thiên Niên Kỷ Thứ Ba (Tertio Millennio Adveniente)*, tôi đã chỉ ra rằng thiên niên kỷ mới sắp tới là một cơ hội tốt cho việc đối thoại giữa các tôn giáo và cho các cuộc gặp gỡ các nhà lãnh đạo các tôn giáo lớn trên thế giới. **Tiếp xúc, đối thoại và cộng tác với tín đồ các tôn giáo khác chính là một công việc mà Công Đồng Va-ti-ca-nô II đã giao cho toàn thể Giáo Hội làm như một bổn phận và một thách đố.** Những nguyên tắc hướng dẫn việc tìm kiếm mối quan hệ tích cực với các truyền thống tôn giáo khác đã được nêu ra trong Tuyên Ngôn của Công Đồng: Thời đại chúng ta (Nostra aetate), ban hành ngày 28 tháng 10 năm 1965, đây chính là bản hiến chương của việc đối thoại liên tôn giáo trong thời đại chúng ta. Đứng trên quan điểm Ki-tô Giáo, đối thoại liên tôn giáo không phải chỉ là một cách để giúp các bên biết nhau và làm giàu cho nhau. Nhưng đó còn là một phần trong chính sứ mạng phúc âm hóa của Giáo Hội, là một cách biểu hiện sứ mạng *«đến với lương dân»*. Khi tham gia đối thoại liên tôn giáo, các Ki-tô hữu xác tín rằng chỉ có Đức Ki-tô mới đem lại sự cứu độ trọn vẹn và cộng đoàn Giáo Hội mà họ đang thuộc về là *phương thế thông thường (ordinary means)* để được ơn cứu độ. Đến đây tôi xin nhắc lại những gì tôi đã viết cho Hội Nghị khoáng đại lần thứ năm của Liên Hiệp Hội Đồng Giám Mục Á Châu: *«Dù Giáo Hội vui sướng nhìn nhận bất cứ điều gì là chân thật và thánh thiện trong các truyền thống tôn giáo của Phật Giáo, Ấn Độ Giáo và Hồi Giáo, xem đó như phản ánh một sự thật đang soi sáng cho mọi người, nhưng như thế không có nghĩa là Giáo Hội giảm nhẹ nhiệm vụ và quyết tâm tuyên bố Đức Giê-su Ki-tô là «đường, là sự thật và là sự*

sống» . . . Sự kiện các tín đồ các tôn giáo khác vẫn có thể nhận được ơn Thiên Chúa và được Đức Ki-tô cứu độ ngoài phương thể thông thường mà Ngài đã lập ra, điều ấy không loại bỏ việc Thiên Chúa vẫn kêu gọi họ đến nhận lãnh đức tin và phép rửa như Ngài hằng mong muốn cho hết mọi người».

“Trong tiến trình đối thoại ấy, như tôi đã viết trong Tông Thư Sứ Vụ Đấng Cứu Thế (Redemptoris Missio), là «không loại bỏ nguyên tắc cũng không thoả hiệp giả tạo, mà ngược lại phải cùng nhau trao đổi những chứng tá, giúp nhau cùng tiến tới trên con đường tìm kiếm và sống kinh nghiệm tôn giáo, đồng thời giúp nhau xóa bỏ thành kiến, thái độ bất khoan dung và hiểu lầm». Chỉ những ai có đức tin Ki-tô giáo trưởng thành và xác tín mới đủ tư cách dấn thân vào việc đối thoại liên tôn giáo đích thực. «Chỉ những Ki-tô hữu nào từng đắm mình trong mầu nhiệm Đức Ki-tô và đang sống hạnh phúc trong cộng đoàn đức tin mới có thể dấn thân vào các cuộc đối thoại liên tôn giáo mà không sợ gặp bất trắc quá mức, nhưng hy vọng gặt hái được những hoa trái tốt đẹp». Bởi đó, Giáo Hội tại Châu Á cần phải giới thiệu những mô hình xứng hợp cho việc đối thoại liên tôn giáo – phúc âm hóa trong đối thoại và đối thoại để phúc âm hóa, đồng thời cung cấp cho những người tham gia việc đối thoại ấy một sự đào tạo thích đáng.

“Sau khi nhấn mạnh sự cần thiết phải có niềm tin vững chắc vào Đức Ki-tô trong việc đối thoại liên tôn giáo, các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng tiếp tục đề cập tới nhu cầu phải đối thoại bằng **cuộc sống và bằng con tim**. Khi gặp gỡ và đối thoại, người môn đệ Đức Ki-tô phải có con tim dịu dàng và khiêm tốn của Thầy mình, đừng bao giờ tự

phụ, cũng đừng bao giờ tỏ vẻ trịch thượng (x. Mt 11,29). «Những quan hệ giữa các tôn giáo sẽ được phát triển tốt đẹp hơn khi biết sống cởi mở đối với các tín hữu Tôn giáo khác và khi lắng nghe, tôn trọng và thông cảm với người khác trong những dị biệt của họ. Để làm được tất cả như thế, cần phải có tình yêu đối với người khác. Từ đó mới có sự cộng tác, hòa hợp và làm giàu cho nhau».

“Để hướng dẫn những người tham gia vào tiến trình này, Thượng Hội Đồng đề nghị sẽ thảo ra một tập chỉ nam về việc đối thoại liên tôn giáo. Trong lúc Giáo Hội tìm kiếm những phương thức mới để gặp gỡ các tôn giáo khác, tôi xin nêu ra một số hình thức đối thoại đã được tiến hành có kết quả, từ việc trao đổi mang tính hàn lâm (scholarly) giữa các chuyên gia về các truyền thống tôn giáo hay giữa các đại biểu của các truyền thống ấy, cho đến việc cùng nhau hoạt động cho sự phát triển con người toàn diện và bảo vệ các giá trị nhân bản, tôn giáo. Tôi xin lặp lại, việc làm sống lại tinh thần cầu nguyện và chiêm niệm trong khi tiến hành việc đối thoại liên tôn giáo thì quan trọng biết bao. Các nam nữ tu sĩ có thể đóng góp một cách rất có ý nghĩa vào việc đối thoại liên tôn giáo bằng cách minh chứng sức sống của các truyền thống lớn về đời khổ hạnh và thần hiệp (mysticism) của Ki-tô giáo”

“Cuộc gặp gỡ đáng nhớ tại As-si-si, thành phố quê hương Thánh Phan-xi-cô, ngày 27 tháng 10 năm 1986, giữa Giáo Hội Công Giáo và đại biểu các tôn giáo khác trên thế giới, đã cho thấy rằng mọi người có tôn giáo không cần phải từ bỏ truyền thống của mình, vẫn có thể dẫn thân cầu nguyện và hoạt động cho hòa bình và thiện ích của nhân loại. Giáo Hội phải tiếp tục cố gắng duy trì và cổ võ ở mọi cấp độ tinh thần giao lưu và cộng tác giữa các tôn giáo ấy.

“Hiệp thông và đối thoại là hai khía cạnh căn bản trong sứ mạng Giáo Hội, mà một mẫu gương vô cùng siêu việt cho việc này là chính Mẫu Nhiệm Ba Ngôi; Ngài là cội nguồn và cũng là cùng đích của mọi sứ mạng. Một trong những «món quà lớn mừng sinh nhật» mà các thành viên Giáo Hội, nhất là các mục tử, có thể dâng lên Chúa Tể lịch sử nhân dịp mừng Ngài nhập thể năm thứ 2000, chính là củng cố tinh thần hiệp nhất và hiệp thông ở mọi cấp trong sinh hoạt Giáo Hội, tức là đổi mới sự «tự hào thánh thiện» về lòng trung thành liên lý của Giáo Hội đối với những gì được ban tặng cho mình, đồng thời cũng đổi mới niềm tin tưởng vào ơn thánh và sứ mạng bất biến đã đưa Giáo Hội lên đường đến với các dân tộc trên thế giới để làm chứng cho tình thương và lòng nhân từ cứu độ của Thiên Chúa. Chỉ khi nào Dân Chúa nhận ra rằng món quà mình nhận được cũng là món quà trong Đức Ki-tô, họ mới có thể chuyển món quà ấy cho người khác qua việc **loan báo và đối thoại**. (ĐGH Gio-an Phao-lô II Giáo Hội tại Châu Á,31).

(b) Định nghĩa: “Đối Thoại giữa các tôn giáo không phải chỉ để giúp hai bên hiểu biết nhau và được thêm phong phú, nhưng là thành tố trong sứ vụ Phúc Âm hóa. Dầu biết rằng các tôn giáo khác có những cái chân thật và thánh thiện, như là phản ảnh sự thật soi sáng muôn dân, Giáo Hội vẫn phải đối thoại để chứng thực cho các tín đồ bạn biết chỉ có Đức Giê-su Ki-tô có thể cứu độ trọn vẹn, và chỉ có Giáo Hội của Ngài là phương thế thông thường để được cứu độ.”

(c) Điều kiện: Muốn đối thoại giữa các tôn giáo thành công phải có mấy điều kiện sau đây:

- Trong tiến trình đối thoại giữa các tôn giáo, không được từ bỏ các nguyên tắc truyền thống đức tin và xác tín tôn giáo, cũng không được hòa hoãn giả tạo, nhưng phải chứng tỏ cho nhau thấy mỗi bên muốn cho nhau được tiến bộ hơn về tôn giáo mình, và xóa bỏ đi những thành kiến, bất khoan dung và hiểu lầm.

- Ki-tô hữu còn phải có một đức tin trưởng thành và chắc chắn, phải sống hạnh phúc trong cộng đoàn đức tin của mình. Vì thế cần phải được đào tạo để đối thoại.

- Phải đối thoại “*bằng cuộc sống và bằng tấm lòng*”, một tấm lòng khiêm tốn dịu dàng, không tự phụ cũng không trịch thượng trong khi gặp gỡ nhau”

(d) Hình thức hay phương cách đối thoại giữa các tôn giáo: Văn kiện Đối thoại và Rao truyền (1991) vạch ra các hình thức đối thoại:

- ***Đối thoại bằng cuộc sống***: mỗi người cố gắng sống tinh thần cởi mở và sống với nhau như láng giềng tốt, cùng nhau chia vui sẻ buồn, chia sẻ các vấn đề và lo âu của con người.

- ***Đối thoại bằng cộng tác với nhau*** trong công việc phát triển con người toàn diện, và giải phóng con người trọn vẹn.

- ***Đối thoại bằng trao đổi thần học***: các nhà chuyên môn tìm cách đào sâu kiến thức về các giá sản tôn giáo của nhau và thẩm định các giá trị siêu nhiên nơi các tôn giáo.

- ***Đối thoại bằng chia sẻ kinh nghiệm tôn giáo***: đi sâu vào chính truyền thống tôn giáo của mình, chia sẻ những giá trị siêu nhiên phong phú của mình, chẳng hạn những giá trị

liên quan đến cầu nguyện và chiêm niệm, đến đức tin và những con đường tìm đến Thiên Chúa hoặc Đấng Tuyệt Đối. (Hội đồng Tòa Thánh về liên lạc với các tôn giáo, Đối thoại và Rao Truyền, 42).

(đ) Những trở ngại và khó khăn cho việc đối thoại giữa các tôn giáo : Ở đây chúng ta nêu lên một số những trở ngại được xem là quan trọng hơn cả cho việc đối thoại :

- a. Không bám rễ sâu đủ trong chính đức tin của riêng mình.
- b. Không hiểu biết đầy đủ tín ngưỡng và phương thức hành đạo của các tôn giáo khác có thể đưa đến một lối sống thâm định thiếu sót về ý nghĩa của chúng, và đôi lúc còn có những giải thích sai trật.
- c. Những dị biệt có tính cách văn hóa phát xuất từ trình độ kiến thức khác nhau, hoặc từ lối vận dụng các cách diễn tả khác nhau.
- d. Những nhân tố xã hội – chính trị xảy ra trong quá khứ có liên quan đến hai bên tranh chấp, xung đột.
- e. Hiểu sai các từ ngữ như trở lại, phép rửa, đối thoại ...
- f. Chưa hoặc thiếu cởi mở, đưa đến một thái độ tự vệ, hay còn đi đến tình trạng gây hấn.
- g. Thiếu xác tín về đối thoại giữa các tôn giáo, mà một số người có thể xem như một phận vụ dành riêng cho những nhà chuyên môn và một số khác lại xem như một dấu chứng thua cuộc, hoặc như là một sự phản bội lại đức tin.
- h. Nghi ngờ về các động lực muốn đối thoại của phía bên kia.
- i. Trình bày hay diễn tả các xác tín tôn giáo của mình theo tinh thần hiếu chiến hiếu thắng.
- j. Không bao dung và có thái độ trịch thượng do yếu tố chính trị, kinh tế, chủng tộc ...

k. Một số hiện tượng của bầu khí tôn giáo hiện nay: trào lưu duy vật vô thần đang lên, dùng dụng về tôn giáo và sự gia tăng các giáo phái mới tạo ra nhiều vấn đề mới.... (Hội đồng Tòa Thánh về liên lạc với các tôn giáo, Đối Thoại và Rao Truyền, 74).

(e) Áp dụng vào thực tế Việt Nam : Nước ta có 6 tôn giáo chính là Phật giáo, Công giáo, Phật giáo Hòa hảo, Cao đài, các giáo hội Tin lành và Hồi giáo. Cũng có thể kể thêm một tôn giáo dân gian là Đạo Ông Bà. Ngoài ra còn có nhiều người vô thần. Phật giáo có khoảng gần 10 triệu người trên tổng số 86 triệu dân, chiếm khoảng 12% dân số. Người Công giáo có gần 6 triệu người, chiếm khoảng 6-7% dân số. Trong dòng lịch sử dân tộc, các thế lực ngoại xâm suốt gần 12 thế kỷ đã dùng chính sách chia để trị tìm mọi cách chia rẽ đồng bào các tôn giáo vì sợ họ hợp nhất thành một lực lượng chống đối chính quyền, khiến cho đồng bào theo các tôn giáo có cái nhìn không mấy thiện cảm với nhau và hầu như rất ít cộng tác với nhau trong hoạt động từ thiện, bác ái xã hội. Nhưng mối tương quan giữa Công giáo và các tôn giáo ngoài Ki-tô giáo tại Việt Nam không thể nói được là khá hơn từ 31 năm nay. Chính quyền Cộng sản cũng ngầm chủ trương không để các lãnh đạo tôn giáo gặp gỡ, trao đổi và cộng tác với nhau, vì sợ các tôn giáo liên kết chống lại hoặc lật đổ họ.

Vì thế mà cuộc đối thoại giữa các tôn giáo chỉ có thể thực hiện được ở mức cá nhân hay tập thể nhỏ và cũng chỉ trong những vụ việc bác ái, từ thiện hay hữu nghị cụ thể và ngắn hạn. Khó mà có được những kế hoạch chung và lâu dài nhằm phục vụ lợi ích đích thực của dân chúng và của các tôn giáo trong nước.

III. THAY LỜI KẾT: NHỮNG CON SỐ CẬT VẤN CHÚNG TA

Để kết thúc bài trình bày này, tôi xin phép được trích lại một đoạn trong bài «Xuất phát lại từ Đức Ki-tô» của linh mục An-tôn Nguyễn Ngọc Sơn, Tổng Thư Ký Ủy Ban Công Lý và Hòa Bình thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, để chúng ta cùng suy nghĩ và hành động. Bài này đã được chia sẻ nhân dịp Đại hội Truyền giáo Á châu, 18-22/10-2006 tại Chang Mai (Thái Lan). Bài được cập nhật ngày 27-09-2011 cho lớp Ki-tô học của Học viện Mến Thánh giá. Nhân dịp lễ Thánh Têrêsa Hải Đồng Giê-su, Bồn mạng các xứ truyền giáo, bài được trình bày cho một ít tu sinh tĩnh tâm tại Đan Viện Cát Minh, 33 Tôn Đức Thắng, Q. 1, Sài-gòn, ngày Chủ nhật, 02-10-2011.

«Một câu hỏi khiến lòng tôi trăn trở từ nhiều năm qua đó là: “Ta phải làm gì để có thể loan báo Tin Mừng Đức Ki-tô cách hiệu quả trên cánh đồng truyền giáo ở Việt Nam và Á Châu?»

Khi nêu lên nhận xét công cuộc truyền giáo tại nước tôi hình như không mấy hiệu quả từ vài chục năm nay, nhiều vị lãnh đạo trong Giáo Hội cũng như một số anh em linh mục, nam nữ tu sĩ không bằng lòng với nhận xét này và cảm thấy hoạt động tích cực truyền giáo của họ bị xem thường. Tôi không có ý coi nhẹ hoạt động tông đồ của các vị ấy, nhưng những thống kê về số người theo đạo hay bỏ đạo Công giáo ở Việt Nam cũng như ở châu Á và toàn thế giới khiến ta phải quan tâm và đặt vấn đề cho việc truyền giáo của mình. Có người cho rằng những con số thống kê không thể nào nói lên được thực tại nhiệm mầu của đức tin Công giáo, càng không phải là thước đo lòng đạo đức hay sự thành bại của việc truyền giáo. Chúng tôi rất đồng ý về

nhận định này. Quả thực, chúng ta có thể dùng những số liệu thống kê như những dấu hiệu nhắc nhở chúng ta về những vấn đề thực tế. Những vấn đề từ việc thiếu hiệu quả trong công cuộc truyền giáo hiện nay đã được thẩm quyền cao cấp nhất của Giáo hội đặt ra trong Bản Đề Cương chuẩn bị cho Thượng Hội đồng Giám mục 2012 sẽ họp ở Rôma và mời gọi chúng ta tích cực quan tâm tìm hiểu để đóng góp những đề nghị đúng đắn.

Nhìn vào Giáo hội Việt Nam trong suốt 50 năm qua, tỷ lệ người có đạo ngày càng giảm so với dân số cả nước: vào năm 1960, tỷ lệ đó là 7,17%, cuối năm 2010 vẫn là 7,18%. Chúng ta sống đạo như thế nào mà không làm tăng thêm được 1% dân số Công giáo trong suốt 50 năm qua, thậm chí 125 năm qua kể từ năm 1885 đến nay?

Giáo hội châu Á cũng không phát triển hơn trong suốt 50 năm khi mà dân số công giáo vẫn chỉ ở mức 3% dù có biết bao nỗ lực của hàng trăm ngàn thừa sai, linh mục, tu sĩ nam nữ và giáo dân đủ loại. Dân số công giáo hiện nay ở Á châu có khoảng 140 triệu người trong số hơn 4,024 tỷ dân. Theo thống kê của Tòa thánh, dân số công giáo toàn cầu tăng từ 757 triệu vào năm 1978 lên 1.146 triệu người vào cuối năm 2008 (x. Catholic Almanac 2010, NXB Our Sunday Visitor, tr.335). Mỗi năm trên thế giới có khoảng 2,5 triệu người lớn và hơn 14 triệu trẻ em được rửa tội trong ít năm gần đây, tuy nhiên nếu tính theo tỷ lệ dân số, vào năm 1978, người công giáo chiếm 17,99% dân số thế giới, đến năm 2008 chỉ còn 17,32%.

Tính đến ngày 31-12-2010, Giáo hội Việt Nam hiện có trên 4.050 linh mục, 3.946 chủng sinh, 2.281 tu sĩ nam, 15.352 tu sĩ nữ, 57.000 giáo lý viên, gần 1 triệu đoàn viên các hội đoàn công giáo tiến hành, khoảng 6.400.567 tín

hữu giáo dân trên tổng dân số là 89.029.559 (theo thống kê của Văn phòng Tổng Thư ký HĐGMVN), trong khi số dân thật sự theo Thống kê Nhà Nước là 86.930.000 người Việt (x. Cục Thống kê TPHCM, tr.331). Số giáo dân này không chính xác do việc khai báo trùng lặp vì theo số liệu thống kê của Tổng Điều tra Dân số ngày 1-4-2009, số dân công giáo là 5.677.086 trên tổng số dân là 85.846.997 người, chiếm tỷ lệ 6,61% (x. Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam 2009, tr. 281).

Số người lớn được rửa tội hằng năm khoảng 30.000 đến 40.000 người nhưng hầu hết là để lập gia đình với người có đạo. Vậy chúng ta tự hỏi ai là người đi loan báo Tin Mừng Đức Giê-su Ki-tô và truyền giáo có kết quả?

Một thí dụ minh họa: năm 2009, giáo phận Huế có 2 giám mục, 136 linh mục, 64 chủng sinh, 92 tu sĩ nam, 967 tu sĩ nữ, 786 giáo lý viên và 68.560 tín hữu, nhưng cả năm chỉ có 94 người lớn được Rửa tội, năm 2008 cũng chỉ có 106 người (x. Thống kê Văn phòng Tổng Thư ký HĐGMVN).

Dù những con số không nói lên hoàn toàn sức sống năng động của người Công giáo nhưng việc giám sát số người tin theo Đức Ki-tô đã nói lên phần nào công cuộc truyền giáo toàn cầu cũng như ở châu Á và ở Việt Nam không mấy thành công. »

IV. TRAO ĐỔI NHÓM NHỎ VÀ ĐÚC KẾT

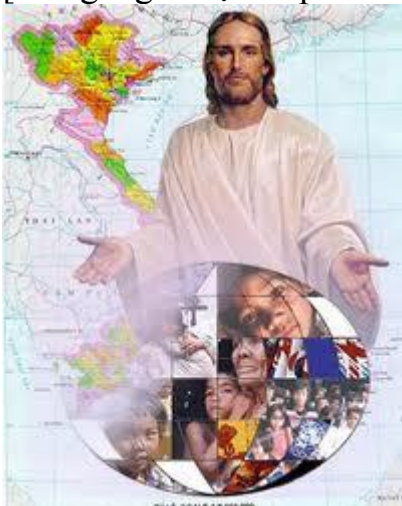
1. Đối thoại có tầm quan trọng như thế nào trong công cuộc xây dựng giáo xứ thành cộng đoàn yêu thương, đoàn kết và truyền giáo?
2. Đối thoại có tầm quan trọng như thế nào trong công cuộc truyền giáo tại Việt Nam?

3. Người công giáo Việt Nam phải biết đối thoại với những ai nếu muốn loan báo Tin Mừng Cứu Độ cho những người không công giáo?
4. Để biết cách đối thoại với tín đồ một tôn giáo khác người giáo dân Việt Nam cần được trang bị những gì ?
5. Để biết cách đối thoại với những người không tin sống chung quanh mình, người giáo dân Việt Nam cần được trang bị những gì ?
6. Anh chị có tin vào sự thành công của việc đối thoại giữa người/Giáo hội công giáo với người/Chính quyền Cộng sản Việt Nam không? Làm thế nào để cuộc đối thoại ấy thành công hầu đem lại những điều tốt đẹp cho dân tộc Việt Nam?

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội

[Ghi nhớ ngày Đức Tổng Giám Mục Leopoldo Girelli Đại Diện không thường trú của Tòa Thánh Vatican tại Việt Nam thăm mục vụ Giáo phận Long Xuyên 03/10/2011]

[Tác giả gửi trực tiếp cho GDHT]



PHÂN PHÁT SÁCH PHÚC ÂM ĐỂ LOAN BÁO TIN MỪNG

Từ trước tới nay có nhiều phương thức truyền giáo rất hiệu quả như mở các giáo điểm truyền giáo, mở nhiều lớp giáo lý dự tòng, dạy giáo lý dự tòng cho từng cá nhân, đi tìm hiểu và gỡ rối về Hôn phối, thăm viếng những người bệnh có và không có đạo, tại nhà hoặc tại bệnh viện... Ngoài những phương thức truyền thống như trên, thiết tưởng cũng cần xem xét một số phương thức mới như:

- Phân phát sách Phúc Âm, những bài suy niệm Tin Mừng các lễ Chúa nhật và những sách báo đạo khác đến mọi người, kể cả có đạo và không có đạo. Phân phát tại nơi mình cư trú và làm việc và chỉ phân phát cho những ai muốn nhận, vui vẻ nhận. Nên để số điện thoại và địa chỉ e-mail nơi những tài liệu này để ai có thắc mắc hoặc muốn tìm hiểu thêm thì họ có thể liên hệ. Nhiều nơi ở nước ngoài, chủ khách sạn, chủ nhà nghỉ thường để sẵn sách Tin Mừng trong các phòng trọ, các phòng khách sạn cho khách.

- Ở những vùng sâu vùng xa, bà con dân tộc thường sống quá hẻo lánh, nếu không thể đến tận nơi được, có thể phân phát sách Tin Mừng cho những giáo dân ở gần đó, nhiều hơn nhu cầu của họ, để họ làm trung gian vừa đọc vừa chuyển cho những người ở xa xôi hơn.

- Đoàn thể của các giáo xứ, khi thăm viếng, uỷ lạo những chỗ khó khăn, ngoài quà và tiền mặt nên tặng thêm sách báo, băng đĩa, tranh ảnh đạo...

- Trong các dịp hội nghị, tổng kết có thể tặng quà kèm với sách báo, băng đĩa, tranh ảnh đạo cho một số khách hàng, một số đối tác kinh doanh có chọn lọc. (Việc này đã có nhiều người làm)

- Về phía Giáo hội, nên có thêm những chương trình phát thanh, những tiết mục mới nơi các trang web để dành riêng cho những người chưa có đạo hoặc đang học đạo.

- Xuất bản sách Tin Mừng với số lượng lớn và bán giá rẻ, cũng có thể in thành 4 tập riêng theo 4 tác giả Tin Mừng để cho Sách nhỏ gọn hơn nữa.

Trên đây chỉ là một số gợi ý, còn rất nhiều hình thức loan báo Tin Mừng phong phú khác cần được phổ biến cho mọi người cùng biết và thực hành.

Chỉ khi nào mọi người thao thức với sứ vụ trọng đại và cao cả là giới thiệu Chúa đến muôn dân nước, khi đó họ mới tìm được những phương cách hữu hiệu nhất để đem Chúa đến cho mọi người.

Antôn Lê Tân

[Tác giả gửi trực tiếp cho GDHT]

NIỀM TIN VƯỢT THẮNG BẮT AN XÃ HỘI

23/07/12 12:58 AM

Sài Gòn – Đây là kinh nghiệm của bảy học viên lớp giáo lý Dự Tông đặc biệt do chúng tôi phụ trách. Một người đã rửa tội từ cuối tháng 6 vừa qua (Maria Lê Diễm Mi), một người vừa được cha Giuse Đình Hữu Thoại rửa tội tại Tam Kỳ, Quảng Nam (Mary Huỳnh Thục Vy). Sáng hôm qua, chúng tôi rửa tội cho bốn người (Matthew Rchom Sơ, Maria Đỗ Thị Mỹ Hạnh, Geradina Lê Thị Bích Vân và Maria Nguyễn Hoàng Vi). Rồi tuần sau, nếu không có gì thay đổi, chúng tôi sẽ rửa tội cho Monica Trịnh Kim Tiến.

Đối với Maria Diễm Mi, việc rửa tội là đương nhiên, vì nhiều năm nay cô đã đi lễ đều đặn hàng tuần. Việc gặp gỡ Chúa đã làm cho cô được giải thoát trước biết bao nhiêu nguy nan trong cuộc sống. Còn đối với Monica Kim Tiến thì chúng tôi muốn giữ bí mật để kể chuyện vào kỳ sau.

Kỳ này, chúng tôi chỉ kể về năm người kia.

Lý do theo đạo?

Trước khi lãnh nhận bí tích rửa tội hai tuần, **Huỳnh Thục Vy** viết cho chúng tôi: “Con tin rằng cuộc đời con người không phải do con người quyết định mà được. Lúc con bị bắt, con tự nhiên thấy mình luôn được chở che. Con chưa hiểu vì sao con lại có cảm giác ấy. Nhưng con hy vọng nếu có một Đấng cao vời mà con chưa từng biết thì con mong các cha giúp cho con một cơ hội để bước vào

con đường nhận biết Ngài. Đó là những lời con nói thật lòng mình”.

Còn **Nguyễn Hoàng Vi** thì cho biết muốn theo đạo là muốn chu toàn đạo hiếu với ba: “Lúc đầu, con tìm về với Chúa chỉ vì muốn hoàn thành tâm nguyện của ba con ngày còn sống (vì ba con là người có đạo, mẹ thì không và con cũng không có đạo) chứ không hề có một cảm nhận gì về Chúa. Con chỉ nhớ ngày còn sống mỗi sáng mừng Một Tết hàng năm, ba vẫn thường một mình lặng lẽ dẫn con đi nhà thờ và có đôi lần ba đã nhắc nhở gia đình rằng: ‘Chỉ có con người bỏ Chúa chứ không bao giờ Chúa bỏ con người’. Lúc ba hấp hối, tâm nguyện của ba là mong các con mình tìm về với Chúa. Một ngày, khi đã mệt mỏi với những bon chen của cuộc sống, con dừng lại và mong muốn tìm về với Chúa để hoàn thành tâm nguyện của ba nhen nhóm lên trong suy nghĩ con một cách rất tự nhiên”.

Mỗi người mỗi cảnh, anh **Rchom Sơ** thì cả gia đình đã theo đạo từ lâu, đến giờ học đại học ở Sài Gòn mới thấy mình phải tìm Chúa, thế là xin học đạo.

Cô dược sĩ **Lê Thị Bích Vân** là mẫu người khát khao tìm lẽ sống mãnh liệt. Cô nhận xét cuộc sống của mình: *“Mâu thuẫn. Đấu tranh. Dục vọng và Lí trí. Đúng và sai. Nên và không nên. Luôn gồng mình lên để sống, đôi lúc tôi tưởng chừng như người điên. Và tôi luôn tìm, tìm kiếm hạnh phúc, sự bình yên trong tâm hồn. Hy vọng một nơi nào đó, một ai đó hoặc thậm chí là bất kì một thứ gì mở lối thoát cho tôi. Vì tôi muốn sống như đúng nghĩa là một cuộc sống”*.

Chị **Đỗ Thị Mỹ Hạnh** là mẹ của hai người con, một đã đi làm, một đang học công nghệ thông tin. Chị là con của gia đình theo đạo Cao Đài, rồi khi lấy chồng thì về gia đình theo truyền thống Phật giáo. Đạo Cao Đài cũng tôn kính Đức Mẹ Maria, nên ngay từ bé chị đã thường cầu nguyện với Đức Mẹ. Đến khi có chồng có con, lúc hạnh phúc lúc buồn tủi, chị tìm đến với Đức Mẹ và mong muốn mình theo đạo nào mà có Đức Mẹ. Người em út của chị giới thiệu cho chị làm quen với những người Công giáo.

Động lực theo đạo nơi năm người này không ai giống ai, nhất là bốn trong năm trường hợp theo đạo không vì bốn phận của hôn nhân, mà thực sự muốn tìm một giá trị sống.

Niềm xác tín

Maria Nguyễn Hoàng Vi viết: *“Một ngày, con bỏ ngang việc học giáo lý để xuất cảnh, kiếm kế mưu sinh cho gia đình thì con lại bị chính quyền cấm con xuất cảnh với lý do hết sức vớ vẩn. Ngay khi ấy, con tin rằng đó là ý định của Chúa muốn con trở về với tình yêu thương của Ngài. Những lúc lòng con cảm thấy bất an, bối rối nếu là trước đây con sẽ rơi vào tình trạng không lối thoát nhưng bây giờ qua lời dạy của cha, con cảm nhận được sự dạy bảo, chở che, ủi an của Chúa mà lòng lại cảm thấy bình an”*.

Hoàng Vi, từ hơn một năm qua đã bị công an mật vụ vô cớ tấn công ba lần. Họ đẩy cô từ một người không quan tâm gì đến xã hội, đến truyền thông phải nhập cuộc để bảo vệ chính mình. Maria Nguyễn Hoàng Vi viết: *“Mỗi khi*

đứng trước thế lực ma quỷ, con cảm nhận được nguồn sức mạnh vô cùng to lớn mà Chúa đã ban tặng cho con, giúp con vượt qua một cách an vui, không sợ hãi. Với những thủ đoạn và việc làm xấu xa mà chính quyền cộng sản làm với con chỉ vì con đòi hỏi tự do, dân chủ và nhân quyền. Trước khi đến với Chúa, con luôn sống trong lo sợ. Nhưng giờ đây mỗi khi họ làm việc xấu với con, làm cho con mất tất cả, cuộc sống bấp bênh, tính mạng luôn trong tình trạng nguy hiểm, họ tưởng rằng họ đã chiến thắng. Nhưng không! Đứng trước những gì họ đối xử với con, con lại cảm thấy bình an một cách lạ thường”.

Đối với Geradina Lê Thị Bích Vân, một dược sĩ, thì việc theo đạo đối với cô không phải lần đầu. Trước đây cô đã học, nhưng sau đó không cảm thấy gì khác hơn, nên bỏ. Một thời gian sau, nhờ người chị, cô lại đến với lớp giáo lý đặc biệt của chúng tôi. Cô kể: *“Những buổi học đầu tiên tôi không thỏa mãn về những điều mình được học. Hai tuần, tôi vẫn chưa có cái gì vào đầu”.*

Phải hướng dẫn những người như thế này đối với chúng tôi thật là thú vị, chẳng phải nhờ họ mà chúng tôi đào sâu thêm hiểu biết của mình đâu, nhưng với kinh nghiệm, chúng tôi biết thế nào Chúa cũng làm một điều bất ngờ cho họ và đó là cách Chúa dạy chúng tôi về đức tin. Bích vân nói: *“Ngày 16.05.2012, có một thứ đã làm tôi thay đổi – “Chúa YÊSU của con, con đã hiểu...” – tôi hiểu vì sao Người lại yêu thương chúng ta đến vậy, vì sao Người lại lấy thân mình để cứu chuộc chúng ta... Chúa của tôi, tôi yêu Người, yêu vô cùng. Nhìn Người trên thập giá tôi thấy lòng mình đau nhói”.*

Đến giờ phút này, chúng tôi không thể nhớ đã nói gì, để rồi cái giây phút đó khiến Vân phải nhớ cả ngày tháng, như là cột mốc không thể quên trong cuộc đời, vì đã nhận ra Chúa Yêsu.

Chị Maria Đỗ Thị Mỹ Hạnh có kinh nghiệm khác hẳn các cô Vi và Vân. Chị kể: *“Con chiêm bao thấy hình Mẹ có ánh hào quang. Con kể cho người em út nghe, và em con lại đem kể cho một chị có đạo, đó là chị Dung, hiện giờ chị trong lớp Kinh Thánh ở Mai Khôi và chị ấy đã dẫn con vào giờ sống nhóm ở nhà thờ Mai Khôi và con được chị Thu nhóm trưởng cho học giáo lý ở nhà thờ Chợ Quán. Học xong sắp rửa tội, thì con bị chồng mình cản trở, thế là con không được rửa tội vào đạo, lúc đó con buồn lắm nhưng nhờ các chị khuyên, cầu nguyện phó thác, chương trình của Chúa cứ dâng lên và xin một ngày đẹp lòng Chúa sẽ cho và con cũng làm theo”*.

Riêng đối với Matthew Rchom Sơ, anh này chọn ngay câu Lời Chúa của Chúa Yêsu nói trong vườn cây dầu, lúc sắp chịu nạn làm hương sống: *“Anh em hãy tỉnh thức và cầu nguyện để khỏi lâm vào cơn cám dỗ. Vì tinh thần thì hằng hái; nhưng xác thịt lại yếu đuối”* (Mt 26, 41). Rồi anh nói: *“Tôi vẫn âm thầm cầu nguyện và ở đó ánh hào quang xuất hiện trong tôi mà tôi không hề hay. Chúa luôn mời gọi tôi, Ngài luôn chỉ đường và khuyên bảo trong bước đường tôi đi, những lúc gian nan nguy khó hay ốm đau thì Ngài luôn ở bên cạnh để bảo vệ tôi như thể tôi thấy được tiếng nói của Ngài. Từ đó tôi nhận ra rằng tôi phải đến với Ngài, đến với Hội thánh Chúa, đến cảm nghiệm cuộc sống trong Ngài”*.

Đức tin lớn lên

Trong thánh lễ cử hành tại Tam Kỳ, cha Giuse Đinh Hữu Thoại đã chia sẻ với cộng đoàn và chính Mary Huỳnh Thục Vy như sau:

“Đây là thời điểm khó khăn cho đời sống cá nhân cũng như đời sống quốc gia, chúng ta phải biết cậy dựa vào sức mạnh của Thiên Chúa để chiến thắng ác thần (x. Ep 6, 12).

Với nước rửa tội, chúng ta chết cho tội lỗi, mặc cảm và những vương bận với sự huỷ hoại trong cái chết của Người Công Chính – Yêsu Kitô, và tức khắc mang lấy sự sống mới của Thụ Tạo Mới – Yêsu Kitô. Đau đớn, khổ nhục và sự chết chỉ có thể đe dọa những ai còn quyến luyến với tội lỗi và còn muốn quy phục sự ác. Còn những ai tin vào sự sống mới – sự sống ấy đã đến rồi, mà hôm nay chúng ta chứng kiến trong người chị em sẽ được thanh tẩy – thì sẽ không còn sợ hãi, nhất là sợ những đe dọa của thế lực ác thần, dù núp dưới bất cứ danh hiệu nào.

Lời cầu nguyện và chúc lành của Kitô hữu không chỉ hữu hiệu cho những người đã tin, mà còn cho mọi người mà mình muốn hướng đến. Đó là ông bà, là mẹ, là những người thân yêu đã tạ thế lâu ngày tháng, và cả những người đang sống đang yêu thương mình. Người Kitô hữu có trách nhiệm hàng ngày dâng của lễ cầu nguyện và chúc lành cho mọi người và cho thế giới”.

Còn trong thánh lễ tại Sài Gòn sáng hôm qua, chúng tôi mời gọi mọi người nhìn lại hạt giống đức tin tiềm ẩn trong cuộc đời mỗi người trong nhân loại này. Hạt đức tin được gieo lúc thuận tiện cũng như khi không thuận tiện. Hạt đức tin lớn lên không ai hay biết cho đến lúc bùng sáng thì ai cũng ngạc nhiên. Bốn anh chị em đón nhận các bí tích gia nhập Kitô giáo hôm nay đều có kinh nghiệm đó.

An Thanh, CSsR

Nguồn: chuacuthe.com

[Sưu tầm của GDHT]



PHẬT TỬ VỀ VỚI CHÚA

Anh Phan Tiên Quá – một người Phật giáo, từng là chuyên viên phụ trách âm thanh ánh sáng tại *tụ điểm ca nhạc 126* nổi tiếng và rất quen thuộc trong giới trẻ tại Sài-gòn. Đất nước hội nhập với nền kinh tế thế giới, nhiều tập đoàn lớn của nước ngoài vào làm ăn tại Việt Nam. Anh Quá có cơ hội đến làm việc cho một siêu thị lớn, cuộc đời anh vì thế mà thay đổi hoàn toàn.

Khi còn lãnh đồng lương khiêm tốn, anh có đời sống khép kín, ít giao tiếp và rất yêu thương vợ con. Nhưng kinh tế khá lên, thì anh bắt đầu cởi mở hơn, giao lưu nhiều hơn với bạn bè. Muốn làm ăn thì phải là tay sành điệu, sành điệu với bạn bè và sành điệu trong ánh mắt các emgà móng đỏ ! Các quán bia ôm là địa chỉ anh thường xuyên lui tới. Vợ anh đau khổ vật vã vì người chồng phản bội nhưng chị không sao kéo anh về với gia đình được.

Bất ngờ anh mất việc, tiền bạc vì thế mà cạn kiệt dần, nợ nần chồng chất, không lối thoát. Anh trở nên gánh nặng cho người vợ mà anh từng nhẫn tâm phản bội. Mỗi ngày qua đi là một nỗi đau dày xé lương tâm anh. Qua bao đêm dài vò, thao thức, anh quyết định tự tử và xin hiến xác cho khoa học. Ít ra, anh nghĩ rằng, như thế là anh làm được một việc có ích cho đời sau khi chết ! Vợ con anh không còn phải chịu đựng người chồng khốn nạn này nữa ! Và cái ngày định mệnh ấy đã đến

Ngày 13/07/2006, anh bỏ nhà ra đi từ rất sớm để thực hiện ý định tự vẫn. Anh đi lang thang vô định, thần thờ không biết đi đâu, về đâu ! Gia đình cuống cuống tìm kiếm nhưng vô ích ! Nhiều lần gọi điện thoại cho anh, chỉ nhận được những tiếng trả lời ò í e... anh đã tắt máy đi

động rồi ! Càng hoảng sợ, càng không biết làm gì, nhất là vợ con anh, họ chỉ biết ôm mặt mà khóc, kinh hoàng nghĩ đến giờ phút nhận xác của anh trở về !

Thật may mắn, anh có người em cột chèo có đạo, hiền lành và rất thật thà, cô em vợ tân tòng tốt bụng này hay giúp đỡ gia đình anh. Anh yêu mến họ mọi điều, duy chỉ có một điều anh không thích là họ đọc kinh Kính Mừng hàng ngày. Anh rất ghét khi họ cầm Chuỗi Mân Côi, miệng thì nhai nhải câu “Kính Mừng Maria” Anh có ngờ đâu, lúc này chỉ có cặp vợ chồng này nhờ kinh Kính Mừng và chuỗi Lòng Thương Xót, họ cầu nguyện liên li xin Chúa và Mẹ Maria cứu anh thoát khỏi bóng đen của tử thần.

Điều kỳ diệu đã xảy ra, lúc 16:30 chiều, anh mở máy di động và vợ anh đã khóc thảm thiết xin anh nghĩ đến gia đình mà trở về nhà với họ và anh đã xiêu lòng Anh trở về trong trạng thái tuyệt vọng. Gia đình anh quá đổi vui mừng vì anh vẫn còn sống, nhưng phần anh thì ngơ ngác, chán chường. Sáng hôm sau là ngày 14/07/2007, Nguyễn Thế Hùng, người em cột chèo của anh, đã nói vào tai anh :
- “Anh Quá, anh theo tôi, tôi sẽ chỉ cho một người có thể giúp anh trong lúc này”.

- “Ừ, đi thì đi”, anh Quá trả lời.

Hai anh em đến nhóm cầu nguyện Đức Mẹ Mễdu. Đến nơi, Hùng chỉ lên bàn thờ có tượng Đức Mẹ Mễ du, và nói :
- “Anh Quá, bây giờ chỉ có Bà đó mới giúp anh được. Anh hãy quỳ xuống và cầu xin Bà ấy đi”.

Vừa thấy tượng Đức Mẹ Mễdu, như có một sức mạnh vô hình thúc đẩy, anh quỳ xuống thềm thì thưa chuyện với Mẹ. Anh say xua thổ lộ tất cả những ưu tư phiền muộn của anh với Mẹ. Anh nói hết về gia đình anh,

bạn bè anh, về thân xác khốn khổ của anh. Bao nhiêu nỗi đắng cay của cuộc đời anh tâm sự hết với Mẹ, anh khẩn thiết xin Mẹ giúp đỡ anh và gia đình anh vượt qua cơn khốn khó này.

Một điều kỳ lạ đã xảy ra : Anh quì gối suốt hai tiếng đồng hồ bên Mẹ mà không mệt. Đầu gối chưa bao giờ quì nhưng lại chịu đựng được cơn đau suốt 120 phút ! Anh Hùng rất đổi kinh ngạc, vì đã từng dặn rằng : “Nếu anh Quá quì không được và cảm thấy khó chịu ở trước Nhà Châu thì anh cứ ra ngoài chờ, khi nào em cầu nguyện xong thì hai anh em cùng về”. Nào ngờ, Quá không bỏ ra giữa chừng mà đắm chìm trong vòng tay yêu thương của Mẹ suốt 2 giờ cầu nguyện Đức Mẹ Mễđu. Anh Quá dường như đã trút được một gánh nặng đè trĩu trong lòng bao năm qua. Chưa bao giờ anh cảm thấy bình an và thanh thản như lúc này. Tâm hồn lâng lâng, tràn ngập một niềm vui khó tả.

Trở về nhà, anh bắt đầu thấy thấm mệt qua bao đêm mất ngủ, anh thèm được ngủ như chưa bao giờ được ngủ và anh thiếp đi trong ánh mắt bừng cháy niềm tin của những người thân yêu trong gia đình. Vừa chợp mắt được một chút thì anh mơ thấy Một Bà rất đẹp hiện đến và dẫn anh đến nhà thờ Huyện Sỹ (Saigon). Bà đưa anh đến núi Đức Mẹ, rồi biến mất. Anh choàng tỉnh giấc và bàng hoàng kinh ngạc về giấc mơ của mình. Anh quyết định đến Nhà Thờ lúc đó gần ba giờ chiều – giờ của lòng thương xót vĩ đại tuôn đổ xuống nhân loại. Anh nhận ra ý của Mẹ : Mẹ dẫn anh đến Lòng Thương Xót của Chúa.

Kể từ đó anh bắt đầu học cách cầu nguyện bằng chuỗi Mân Côi và lần Chuỗi Thương Xót mỗi ba giờ chiều. Kinh Kính Mừng ngày xưa anh ghét cay ghét đắng, nay anh lại dùng chính kinh Mân Côi này để tâm tình say xưa

với Mẹ. Mỗi ngày qua đi là một niềm vui. Anh tham gia nhóm cầu nguyện Đức Mẹ Mễdu mỗi tối thứ tư hàng tuần tại nhà thờ Huyện Sỹ. Anh không còn làm cho *tự điểm ca nhạc 126* nữa, nhưng anh trở thành chuyên viên nhiệt thành về âm thanh ánh sáng cho cộng đoàn Mễdu. Anh vẫn là Phật tử nhưng anh đã lần đủ ba chuỗi Kinh Mân Côi, tham dự Thánh Lễ mỗi ngày mà chỉ rước lễ thiêng liêng, đọc Kinh Thánh hàng đêm để nghiên ngẫm và suy niệm Lời Chúa, ăn chay thứ tư và thứ sáu.

Anh ước ao, người vợ thân thương của anh cũng đón nhận đức tin như anh. Trong những lần cầu nguyện, anh dâng ý chỉ này cho Mẹ, cầu xin Mẹ giúp anh. Anh rất đổi vui mừng vì căn bệnh xuất huyết hậu môn bác sỹ đã chê từ nhiều năm, nay tự nhiên biến mất, điều lạ lùng là anh không hề xin Chúa chữa lành. Người vợ cứng lòng đã nhiều lần thất hứa với Mẹ thì nay vui vẻ song hành với anh đi cầu nguyện và tham dự Thánh Lễ hàng ngày.

Một người đạo Phật đi cầu nguyện không dễ bao giờ, anh gặp rất nhiều trở ngại, có lần anh sắp sửa đi làm chứng cho Chúa thì bị vật té sắp mặt từ cầu thang xuống đất ! Anh bị bất tỉnh, mê man nhưng khi hồi tỉnh anh vẫn liên li cầu nguyện và cuối cùng anh lại đến được với Chúa . Có điều kỳ lạ, là trước mỗi Thánh Lễ anh hay bị sốt khiến anh không thể tham dự Thánh Lễ được. Không vì thế mà anh chùn bước, anh lần chuỗi nhiều hơn, tất cả nỗi đau thể xác anh dâng hết cho Mẹ và Mẹ đã cứu chữa anh. Đức tin của anh ngày một lớn mạnh hơn.

Anh càng hạnh phúc hơn nữa vì ngày 5/5/2007 vợ chồng anh chính thức được làm con Chúa và ngày 6/5/2007 sau khi chịu bí tích hôn phối anh chị đã tổ chức một đám cưới tuy khiêm tốn nhưng ấm cúng. Bạn bè vây

quanh chúc cho họ hạnh phúc mãi mãi trong tình yêu Thiên Chúa. Anh chị nghẹn ngào trong niềm vui vô tận :

“Vợ chồng em phó thác hết cho Chúa, tất cả những gì chúng em có là của Chúa. Chúng em không giàu có về vật chất, nhưng đời sống tâm linh của chúng em rất thỏa mái và tròn đầy. Chúng em được đón rước Chúa vào tâm hồn mỗi ngày. Có Chúa là chúng em có tất cả. Chúa là tài sản quý giá nhất của gia đình chúng em. Sau mấy chục năm chung sống, giờ đây gia đình em mới cảm nghiệm được thế nào là bình an, thế nào là hạnh phúc đích thực!”

Nguyện xin Mẹ Maria cầu bầu cho gia đình anh chị để họ luôn mãi là ánh sao rực sáng dẫn đường cho nhiều con chiên lạc, đang bước đi trong bóng đêm tội lỗi của thế giới hôm nay.

Một người con yêu mến Mẹ Mễđu,

Giuse Nguyễn Lê ghi

[Sưu tầm của GDHT]

NGƯỜI GIÁO DÂN PHỤC VỤ GIÁO HỘI

Ở Việt Nam hiện nay, nhiều cơ sở Giáo Hội sử dụng giáo dân làm nhân viên thường trực có trả lương, để đảm nhiệm nhiều công việc càng ngày càng đa dạng. Hình thức nhân dụng này đã trở thành phổ biến trong các Giáo Hội Tây Phương, nhất là Hoa Kỳ. Hiện Giáo Hội Hoa kỳ đang được coi là định chế tôn giáo sử dụng nhiều nhân viên giáo dân hơn cả, có lẽ chỉ thua Chính Phủ Liên Bang. Hiện tượng này có những hệ luận tốt xấu, được Francis Maier đề cập tới trong một tham luận đăng trên www.frinstitute.org của Viện Đức Tin và Lý Trí.

Tôi còn nhớ câu chuyện cách nay 50 năm. Hồi ấy, tôi mới 4 tuổi, em gái tôi 1 tuổi. Ngày nào chúng tôi cũng ngủ trưa với nhau. Và vì em gái tôi ưa cựa quậy, khó ngủ, nên thường là má tôi phải vỗ về và hát một điệu ru em bằng tiếng Ai Nhĩ Lan cho anh em tôi.

Một hôm, trước giấc ngủ trưa, má tôi lấy chai sữa đổ cho anh em tôi mỗi đứa một ly. Chẳng may chai sữa trượt tay má và rơi xuống sàn nhà. Mảnh chai dày gần 2 phân văng tứ tung. Má nhanh nhẹn nhất chúng lên và vì vội, mảnh chai đâm toạc cả bàn tay má, máu chảy đầm đìa, vương cả vào áo. Máu chỉ ngưng khi má lấy tấm khăn dày ở bếp quấn quanh bàn tay má.

Năm phút sau, má đã cho chúng tôi lên giường, vừa hát điệu ru em êm ái, vừa vỗ vai tôi bằng bàn tay lành, còn em gái tôi, má dùng bàn tay đang băng bó vỗ về em ngủ. Tôi nhớ rõ: cái phía di truyền Đức bảo tôi, cậu bé 4 tuổi

rằng, “Sao lại vô lý như thế, má hẳn phải đau đớn lắm!”... Trong khi cái phía di truyền Ái Nhĩ Lan nhỏ nhẹ cho tôi hay: “Trời, má hẳn yêu thương chúng con xiết bao”.

Giờ đây, tôi thấy câu truyện trên dạy tôi hai bài học, và cả bài học nào liên quan tới xúc cảm tính của người Xentic cả. Đây là bài học thứ nhất: nếu bạn muốn biết ơn gọi của người giáo dân là gì, thì chính là ở chỗ này. Người đàn bà má tôi đây đáng lẽ nên nổi giận, có thể tạm thời quên con cái mình để tự chăm sóc cho mình. Trái lại, bà chỉ lo chăm sóc chúng tôi cho tới khi chúng tôi thiếp ngủ.

Trong suốt 20 năm qua, mỗi lần tôi nghĩ cha mẹ tôi chắc mắc bệnh động kinh quá hay ít nhất cũng sống trên mây sao đó, thì hình ảnh trên lại xuất hiện mòn một trong trí nhớ tôi. Và tôi bỗng nghẹn lời. Bạn thấy đó, bạn có thể phớt lờ tình yêu hay cố gắng tránh né nó. Nhưng bạn không có cách chi bác bỏ nó được. Không hề có một “công thức bí mật” nào trong ơn gọi làm giáo dân của người đàn bà này hết. Bà chỉ đơn giản cố gắng yêu thương như Chúa Giêsu từng đã yêu thương, trong những hoàn cảnh thực tiễn của đời sống hằng ngày mà Thiên Chúa đã đặt để bà vào. Và khi làm như thế, bà đã dần dần lên khuôn cuộc đời chúng tôi. Bà trở thành thứ “dễ lây tốt” mà Mẹ Têrêxa hay nói tới.

Tất cả các bạn, có lẽ ai cũng nhớ những con người tương tự như thế trong kinh nghiệm đời mình, bởi nếu không, các bạn đã không hiện diện ở đây. Phong trào tranh đấu giáo dân, các tổ chức giáo dân, và việc giáo dân cộng tác vào việc quản trị công việc của Giáo Hội, tất cả đều là các cơ hội để vinh danh Thiên Chúa. Nhưng “quyền lực” thực sự của người giáo dân không nằm trong tiền bạc hay kỹ năng chuyên nghiệp hoặc địa vị có ảnh hưởng trong nền

hành chánh của Giáo Hội. Nó nằm trong chúng tá thánh thiện bản thân. Và ta có cả một luận giải đơn giản nhưng hiển nhiên về việc này. Sẽ không có Giáo Hội nếu không có Thánh Thể. Sẽ không có Thánh Thể nếu không có linh mục. Nhưng cũng sẽ không có linh mục nếu không có người giáo dân dần thân trong việc đào luyện con cái mình biết lắng nghe tiếng Chúa gọi.

Nếu ta không có đủ linh mục; nếu ta không có đủ các linh mục thánh thiện; thì ta nên xét lương tâm mình trước nhất. Vụ bê bối khủng khiếp mấy năm qua chắc chắn là một bản án đối với các linh mục và giám mục đã giúp tạo ra tai ương ấy. Không điều gì có thể bào chữa cho tác phong của các vị. Nhưng hàng giáo phẩm chỉ có thể bị kết án đến một điểm nào đó mà thôi. Tình dục bừa bãi, lộ liễu không hề là độc quyền của hàng giáo sĩ. Thực tế ra, đằng sau tất cả những giận dữ của người giáo dân đối với thảm họa sách nhiễu tình dục ta thấy ẩn hiện một sự hàm hồ sâu sắc trong đức tin và tác phong của người giáo dân Công Giáo.

C. S. Lewis có lần viết thế này: *“Trong vũ trụ, không hề có mảnh đất trung lập; mỗi phân vuông, mỗi tích tắc đều được Chúa nhận là của Người rồi bị Satan nhận làm của nó”*. Đức Gioan Phaolô II cũng có lần đã viết *“Chống lại tinh thần thế gian, ngày nào, Giáo Hội cũng mở ra một cuộc đấu tranh mới dành lấy linh hồn thế gian”*. Còn Henri de Lubac thì viết như sau: *Phúc Âm cảnh cáo ta rằng muối có thể mất vị mặn. Còn nếu phần đông chúng ta sống yên ổn giữa thế gian, thì có lẽ vì chính ta đang hâm hấp nửa chừng chẳng*.

Lời lẽ trên hình như đang mô tả đầy đủ sứ mệnh của ta giữa thế gian; và nó đánh giá đúng mức thái độ hiện nay

của ta đối với sứ mệnh ấy. Người giáo dân ngày nay sử dụng ngôn ngữ đức tin khi nó hợp với họ, khi họ cần được trấn an về ý nghĩa đau khổ, thất bại hay chết chóc. Nhưng thông thường, họ không chịu để đức tin của họ điều hướng các chọn lựa hàng ngày, kể cả các chọn lựa chính trị hay kinh tế.

Suốt 40 năm qua, người giáo dân Công Giáo thích ứng với nền văn hóa thế tục một cách hết sức thoải mái; thực vậy, quá thoải mái là đáng khác. Họ đồng hóa với nó một cách quá thành công. Kết quả, người Công Giáo thường là những công dân nhiệt thành hơn là những người Công Giáo nhiệt thành. Thực tế, có thể gọi họ là những người Thệ Phản Công Giáo tốt. Và điều đó tác động sâu đậm không những lên chứng tá bản thân của họ mà cả các giả thiết của họ về bản chất của Giáo Hội nữa.

Điều trên dẫn tôi tới bài học thứ hai trong câu chuyện của tôi: Ta có lý khi gọi Giáo Hội là Mẹ. Giáo Hội quả là mẹ chúng ta y hệt người đàn bà trong câu chuyện của tôi. Giáo Hội tiếp tục sứ mệnh của Chúa Giêsu Kitô giữa thế gian. Giáo Hội đau khổ vì thế gian, tha thứ, hàn gắn, khuyến khích, sửa chữa và hướng dẫn ta hệt như một người mẹ. Nên bao lâu ta ngưng đừng gọi Giáo Hội là “nó” mà là “bà”, bấy lâu ta hết còn nghĩ về Giáo Hội như một định chế tôn giáo hay một dự án xã hội, và bao lâu ta biết bắt đầu lắng nghe Giáo Hội như lắng nghe một người mẹ, thì Giáo Hội càng chu toàn được sứ mệnh thay đổi và thánh hóa thế gian của mình.

Ta không thể yêu Chúa Giêsu Kitô nếu ta không gặp gỡ Người như một người sống động. Và ta không thể yêu và phục vụ Giáo Hội của Người nếu ta không cảm nhận Giáo Hội như mẹ và thầy của mình. Thiển nghĩ điều này

luôn khó khăn đối với chúng ta vì ta vốn gác chân lên cả hai loại xã hội rất khác biệt nhau. Cái bản chất có tính giáo hội, có tính bản thân và gia đình của Giáo Hội thường trực căng thẳng với bản chất thực tiễn, dân chủ, hàng ngang và cả thông tục nữa của nền văn hóa chính trị hiện nay.

Nhưng mỗi tương quan thích đáng đối với Giáo Hội càng khó hơn nữa đối với các giáo dân hiện phục vụ trong nền hành chánh của Giáo Hội. Khi Đức HY Joachim Meisner của Cologne chỉ trích “các cơ cấu, các ủy ban, các qui chế và các văn phòng” trong Giáo Hội vì đã “làm rối ren đức tin”, lời chỉ trích ngài nhận được cho thấy rõ sự thực của lời nhận xét ấy. Giáo Hội luôn có một hình thức bàn giấy nào đó, bắt đầu với Thánh Máccô làm thư ký cho Thánh Phaolô. Đó là một điều tốt. Các tông đồ tạo ra hàng phó tế chính là để tự giải thoát khỏi các trách vụ thực tế. Thực vậy, không có một hình thức nhân viên nào đó, Giáo Hội ít thực hiện được điều gì đáng giá.

Nhưng điều cũng đúng là: đời sống Giáo Hội càng trở nên định chế hóa, thì hình ảnh mẹ và thầy của Giáo Hội càng trở nên kém hữu hiệu hơn. Cơ cấu bàn giấy đẻ ra các thái độ bàn giấy. Nó làm cạn đức tin bản thân bằng cách lệ thói hóa mọi vấn đề tôn giáo thành các sở bộ, các thủ tục và các chính sách vô nghĩa.

Oái oăm thay, điều các giáo dân khám phá ra khi gia nhập hàng ngũ nhân viên của Giáo Hội trong 30 năm qua chính là điều các linh mục đã phải tranh đấu với từ xưa đến nay: khi đức tin của bạn là công việc bạn làm, và ngày nào bạn cũng cảm nghiệm được thói hư nết xấu và tội lỗi của những con người bất toàn đang ngụ cư và cả đang lãnh đạo Giáo Hội nữa, thì làm sao bạn có thể “yêu” được cái Giáo Hội ấy? Thực thế, làm thế nào bạn có thể coi Giáo Hội như

“bà” chứ không phải là “nó” cho được? Bàn tay Chúa ở đâu trong một tuyên bố mục vụ được cốp nhặt lại với nhau từ hàng 300 nhận định cũng như chạy vạy thương thảo bất chính thức?

Thiên nghĩ một số lớn những người lần đầu tiên đến làm việc cho Giáo Hội đều đi đến một trong ba kết luận sau đây. Hoặc họ nghĩ làm việc cho Giáo Hội là mãi mãi nằm trên dải âm thanh của Bình Ca và nhờ thế họ thoát được các tranh chấp của thế giới làm việc ngoài đời. Hoặc họ nghĩ họ có thể chỉnh sửa được các lệch lạc thiếu hiệu nghiệm của Giáo Hội bằng các kỹ năng chuyên nghiệp thế tục của họ. Hoặc họ cho rằng họ cần thấy Giáo Hội thoát ra ngoài thời đại đen tối đối với một số vấn đề luân lý, và họ có thể làm được việc đó từ bên trong. Tất cả những suy nghĩ ấy đều là các công thức đưa đến thất vọng.

Giáo Hội luôn luôn canh tân và luôn cần được canh tân. Nhưng Giáo Hội cũng hết sức linh hoạt khi phải đối diện với cả áp lực bên ngoài lẫn sự ngu đần và cả thói nát bên trong. Giáo Hội từng sinh tồn đã từ rất lâu và đã từng chứng kiến hầu như mọi sự mà đầu óc con người có thể nghĩ tưởng ra, dù xấu hay tốt. Bởi thế, Giáo Hội hành động với một nhịp độ khác hẳn, và do đó, muốn phục vụ tốt cho Giáo Hội, bạn cần một số nhân đức chuyên biệt. Nhân đức đầu tiên là sự chín chắn trưởng thành để thấy ra rằng việc canh tân về định chế sẽ không bao giờ có được nếu không có sự thống hối bản thân, ăn năn bản thân, đức tin bản thân và sự thánh thiện bản thân. Chương trình là điều tốt. Nhưng chúng tá bản thân tốt hơn nhiều.

Người giáo dân phục vụ trong các cơ cấu của Giáo Hội cần một đời sống cầu nguyện linh hoạt hàng ngày để duy trì lòng nhiệt thành và sứ mệnh của mình. Khi những

điều đó suy giảm trong cấu trúc nội tâm của họ, thì khả năng làm men cho văn hóa của Giáo Hội cũng sẽ suy giảm một cách nhanh chóng. Khi bạn hết cầu nguyện, bạn trở thành hợm hĩnh; bạn sẽ tập chú vào những thành quả vật chất mà loại vai trò Thiên Chúa ra khỏi sự thành công hay thất bại của việc bạn làm. Thiên nghĩ, phần lớn các bản giấy trong Giáo Hội có một bách phân những nhà vô thần thực tế hơn là dân số Công Giáo nói chung.

Chính vì thế, mọi giáo dân đang làm việc trong Giáo Hội cũng cần phải vun sỏi đức khiêm nhường, lòng nhẫn nại và một ý thức hài hước. Người giáo dân vốn có và có thể có ảnh hưởng lớn lao trong việc điều khiển Giáo Hội. Nhiều vị giám mục hiện nay hoan nghênh và trông cậy nhiều vào sáng kiến của giáo dân. Nhưng vai trò của nhân viên giáo dân đôi khi khó nhận ra, và do đó, thành quả của họ đôi khi khá gián tiếp và bị đình trệ. Giáo dân nào khó chấp nhận điều ấy, nên đi tìm việc làm ở nơi khác. Giáo dân nào thiếu óc tưởng tượng để có thể vượt lên trên phương thức làm việc có tính chính trị và kinh tế chắc chắn sẽ không thấy thoải mái. Nếu Giáo Hội thực sự là mẹ và thầy, và là Nàng Dâu của Chúa Kitô, thì dĩ nhiên, Giáo Hội không phải là một viên chức dân cử, không phải là đích nhắm cho các nhóm áp lực nội bộ.

Sau cùng, chúng ta hình như rất kém về ý thức lịch sử. Nhưng đó lại là điều hết sức cần nơi người giáo dân Công Giáo nói chung và nơi những giáo dân đang làm việc cho Giáo Hội nói riêng. Tội lỗi và thất bại chỉ làm ta thất đảm khi thấy chúng ở bên ngoài ngưỡng cửa, ngưỡng cửa vinh quang Thiên Chúa và chiến thắng Thiên Chúa, mà Giáo Hội vốn là một biểu thức sống động, bất chấp các lầm lỗi tội tệ nhất của con cái mình và ngay cả các tội lỗi của hàng

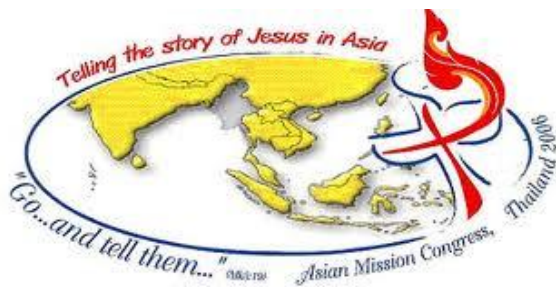
lãnh đạo Giáo Hội nữa. Thật đáng buồn khi thấy mấy năm qua nhiều giáo dân mô tả gương xấu lạm dụng tình dục như vô tiền khoáng hậu, độc nhất vô nhị trong lịch sử. Ta không tìm cách tối thiểu hóa gương mù gương xấu này. Ai trong chúng ta cũng bất mãn vì nó, cảm thấy nhục nhã vì nó. Chứng tá của Giáo Hội bị thương tổn thảm hại. Nhưng trước khi bị tràn ngập bởi thảm họa ấy, ta đừng nên quên thời Phục Hưng và cả hàng tá thời kỳ khác trong lịch sử trong đó, Giáo Hội từng kinh qua nhiều vấn đề còn trầm trọng hơn thế nữa.

Tội lỗi bao giờ cũng xấu xa, nhưng nó không mới mẻ gì, dù là phát xuất từ hàng giáo sĩ. Và nếu ta muốn làm điều gì đó trong tư cách giáo dân, câu giải đáp không phải là gây chiến để dành lấy quyền lực định chế từng phá hoại bản sắc Giáo Hội. Câu giải đáp là chính ta trở nên những con người thánh thiện, và để Thiên Chúa sử dụng ta cách nào Người muốn, để lên khuôn người khác.

Francis X. Maier, Viện Đức Tin và Lý Trí

www.frinstitute.org

Vũ Văn An chuyển dịch (16/8/2012) và gửi cho GDHT



ITE MISA EST

THÁNH LỄ ĐÃ XONG,

ANH CHỊ EM HÃY ĐI LOAN BÁO TIN MỪNG

Trong Phụng Vụ Thánh Lễ có một câu rất ngắn nhưng lại rất nhiều ý nghĩa nên rất quan trọng đối với những người tham dự Lễ Tạ Ơn. Đó là câu hay lời kết lễ mà vị chủ tế đọc sau khi ban phép lành cho các tín hữu:

«Thánh Lễ đã xong, anh em hãy đi bình an!»

Thật ra câu/lời kết lễ trên không phải là lời cầu chúc hay từ biệt mà đúng ra đó là **lời hiệu triệu**, là **mệnh lệnh** của chủ tế làm thay Chúa Ki-tô và Mẹ Hội Thánh. Tiếc rằng có nhiều người hiểu lầm là chủ tế chúc giáo dân ra về bình an tức chúc mọi người an toàn trên đường từ nhà thờ về nhà riêng của mình. Thật không còn gì tệ hại hơn nếu chúng ta hiểu câu/lời kết lễ đó như vậy. Nhưng xét cho kỹ thì lỗi không phải của giáo dân mà của những chuyên viên về Phụng Vụ. Thậm chí chúng ta còn nghe thấy câu này :

«Thánh Lễ đã xong, chúc anh chị em ra về bình an!»

Ngày xưa ngày xưa, khi thánh lễ còn được cử hành bằng tiếng la-tinh thì câu/lời kết lễ là ITE MISA EST! có nghĩa là:

«THÁNH LỄ ĐÃ XONG ANH CHỊ EM HÃY RA ĐI».

«Hãy ra đi»

không phải là
hãy đi về nhà
mà là
hãy đi ra xã hội,
hãy đi vào thế giới,
hãy đi đến với muôn dân,
hãy đi đến với dân ngoại

giống như ý nghĩa của hai từ
AD GENTES
Hãy đi đến với chur dân tức dân ngoại
và
DUC ALTUM
Hãy ra khơi thả lưới bắt cá!

«Ite = anh chị em hãy đi»
xuất phát từ Lệnh Truyền của Chúa Giê-su Ki-tô Phục
Sinh:

*«Đức Giê-su đến gần, nói với các ông: "Thầy đã được trao
toàn quyền trên trời dưới đất. **Vậy anh em hãy đi và làm
cho muôn dân trở thành môn đệ**, làm phép rửa cho họ
nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần,
dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em.
Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế."
(Mt 28,18-20).*

Vậy thì đúng ra câu/lời kết lễ phải là một trong các câu
sau:

«Thánh Lễ đã xong, anh chị em hãy đi truyền giáo!»

«Thánh Lễ đã xong, anh chị em hãy đi loan báo Tin Mừng!»

«Thánh Lễ đã xong, anh chị em hãy đi đến với chư dân (dân ngoại!)»

«Thánh Lễ đã xong, anh chị em hãy đi vào thế giới!»

Tiếc rằng câu/lời kết lễ của phụng vụ ngày nay không làm nổi bật ý nghĩa truyền giáo nguyên thủy và dễ làm cho giáo dân hiểu sai ý nghĩa của Thánh Lễ và sống không đúng với giáo huấn của Chúa Giê-su Ki-tô.

Nếu hiểu sai ý nghĩa của câu/lời kết lễ, thì chúng ta rời nhà thờ và ra về một cách bình thản vì cho rằng mình đã hoàn thành một công việc trọng đại rồi.

Còn nếu hiểu đúng ý nghĩa của câu/lời kết lễ, thì chúng ta rời nhà thờ và ra về mà lòng thao thức xốn xang vì biết rằng lúc này đây mới là lúc lên đường, lúc này đây mới là khởi đầu của một công trình vĩ đại của hiến tế thập giá đem Ôn Cứu độ cho loài người.

Ước chi Ủy ban Phụng tự thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam xem xét để trả lại ý nghĩa sâu sắc và phong phú cho câu/lời kết Thánh Lễ Mi-sa cao quý.

Phao-lô Nguyễn Nhân Hòa

[Tác giả gửi trực tiếp cho GDHT]

BÀI CA TRUYỀN GIÁO

Chúng ta người Công Giáo
Quên sao được sứ mệnh :
Đem Chúa đến cho người,
Đem người về với Chúa ?

Sứ mệnh Chúa truyền dạy :
“Hãy ra đi rao giảng...
“Hãy ra đi làm chứng...
“Tin Mừng cho muôn dân”

Chúng ta cùng truyền giáo;
Trong phạm vụ mỗi người,
Tại gia đình ruột thịt,
Giữa Ban, Nhóm, Hội Đoàn,
Ngay môi trường Giáo Xứ,
Không chối từ nơi mô !

“Hữu xạ tự nhiên hương”
Truyền giáo bằng đời sống,
Từ Giáo Xứ lên Giáo Phận,
Từ Paris về Việt Nam
Thần Khí tỏa hương trăm...

“Âm thầm nhưng hoạt động”
Như men nong trong bột,
Cầu nguyện là số một,
Ưu tiên đọc Lời Chúa,
Tham gia các sinh hoạt,
Trong Nhóm... hay Cộng Đoàn

Theo thời giờ, khả năng.
Lòng thành hơn của lễ !

Đứng dậy ! Tôi, anh, chị,
Đáp lời Chúa Giêsu,
Cùng các vị Chủ Chăn,
Dấn thân lo Truyền Giáo,
Cùng đồng bào thủ đô,
Dựng cao cờ Thánh Giá,
Suy tôn Đấng Phục Sinh !
(giaoxuvn.org)

Du Sinh (VietCatholic News 03/04/2004)

[Sưu tầm của GDHT]



Địa chỉ liên lạc

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội

Email: hnoivnguyen@yahoo.ca

Điện thoại: 098 648 0337

Chủ đề GDHT số 5 (tháng 1.2013)
GIÁO DÂN SỐNG NĂM ĐỨC TIN